

# CHƯƠNG 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRONG CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

### 1.1 Khái niệm và ý nghĩa của phân tích doanh nghiệp

#### 1.1.1 Khái niệm phân tích doanh nghiệp

Là quá trình đánh giá tổng thể và nghiên cứu nhiều khía cạnh khác nhau của một doanh nghiệp nhằm hiểu rõ hơn về doanh nghiệp như các tiềm năng, hoạt động và thách thức mà doanh nghiệp gặp phải. Quá trình phân tích chiến lược và phân tích các yếu tố bên trong bên ngoài của doanh nghiệp cũng như bao quát doanh nghiệp đó. Phân tích doanh nghiệp là cung cấp thêm thông tin chính xác và nhanh chóng trong việc ra quyết định đầu tư trong tương lai.

#### 1.1.2 Ý nghĩa phân tích doanh nghiệp

Phân tích doanh nghiệp mang lại nhiều ý nghĩa giúp cho nhà đầu tư có cái nhìn trực quan hơn từ đó đưa ra lựa chọn đúng đắn, thông qua phân tích báo cáo tài chính công ty để nắm bắt hiểu rõ hơn. Xác định được điểm yếu và điểm mạnh cơ hội và thách thức mà doanh nghiệp đang gặp phải, đánh giá được doanh nghiệp đó trong ngành như thế nào, phân tích các đối thủ cạnh tranh và xu hướng phát triển dài hạn của ngành, xem xét các yếu tố trong lĩnh vực chính trị xã hội, có ảnh hưởng ra sao đến quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, ý nghĩa trong phân tích doanh nghiệp có quá trình đóng góp to lớn giúp các nhà quản lý nhà đầu tư đưa ra chiến lược kinh doanh chính xác và hiệu quả.

Phân tích báo cáo tài chính cũng giúp các nhà cung cấp tín dụng đánh giá rủi ro tín dụng chấm điểm tín dụng để đưa ra các quyết định tài trợ vốn hợp lý vừa đánh giá vị trí của đơn vị ngành và hoạch định các chiến lược kinh doanh cho công ty.

### 1.2 Khái niệm và chức năng vai trò công ty chứng khoán

#### 1.2.1 Khái niệm

Công ty chứng khoán là một tổ chức tài chính trung gian thực hiện các nghiệp vụ trên thị trường chứng khoán nhằm thu phí. Công ty chứng khoán là Công ty Cổ phần hay công ty TNHH thành lập hợp pháp tại Việt Nam được Ủy ban Chứng

khoán Nhà nước cấp giấy phép thực hiện một hoặc một số loại hình kinh doanh chứng khoán: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

### **1.2.2 Chức năng**

Công ty chứng khoán là tổ chức trung gian tài chính quan trọng thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế trong đó nổi bật nhất là thị trường chứng khoán. Nhờ các công ty chứng khoán được lưu thông từ nhà phát hành tới người đầu tư có tính thanh khoản qua đó huy động nguồn vốn trung và dài hạn từ những nơi nhàn rỗi đến nơi cần được sử dụng vốn có hiệu quả.

Chức năng của công ty chứng khoán:

- Tạo ra cơ chế huy động vốn linh hoạt giữa người có tiền nhàn rỗi đến người cần sử dụng vốn. Sử dụng đồng tiền nhàn rỗi đến những nơi cần vốn.
- Cung cấp cơ chế giá cả cho giá trị các khoản đầu tư và kèm theo đó công ty cung cấp giá cả cho giao dịch thông qua hệ thống khớp giá và khớp lệnh.
- Tạo ra tính thanh khoản cho thị trường chứng khoán điều này làm cho tính thanh khoản sẽ trở thành sự hoán chuyển từ cổ phiếu cơ sở hữu thành tiền mặt và ngược lại theo một cách dễ dàng.
- Góp phần điều tiết và bình ổn thị trường chứng khoán nhờ vào sự hoạt động tự doanh và vai trò của nhà tạo lập thị trường.

### **1.2.3 Vai trò**

#### *❖ Đối với các tổ chức phát hành*

Mục tiêu huy động vốn thông qua việc phát hành chứng khoán. Vai trò tạo ra cơ chế huy động vốn phục vụ các nhà phát hành thông qua hoạt động đại lý phát hành, bảo lãnh phát hành. Một trong những nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán là nguyên tắc trung gian. Yêu cầu những nhà đầu tư và nhà phát hành không được mua bán trực tiếp chứng khoán mà phải thông qua các trung gian mua bán. Các công ty chứng khoán sẽ thực hiện vai trò trung gian cho cả người đầu tư và nhà phát hành.

❖ *Đối với thị trường chứng khoán*

*Góp phần tạo lập giá cả điều tiết thị trường:*

Giá cả chứng khoán là do cung cầu mua bán trên thị trường chứng khoán quyết định. Để bảo vệ những khoản đầu tư của khách hàng và lợi ích của chính mình nhiều công ty chứng khoán đã giành một tỷ lệ nhất định các giao dịch để thực hiện vai trò bình ổn thị trường.

*Góp phần làm tăng tính thanh toán của các tài sản chính:*

Thị trường cấp 1: Qua các hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán, các công ty chứng khoán không những huy động một nguồn vốn lớn đưa vào sản xuất kinh doanh cho nhà phát hành mà làm tăng tính thanh khoản của các tài sản tài chính được đầu tư vì các chứng khoán qua đợt phát hành sẽ được mua bán giao dịch trên thị trường cấp 2.

Điều này làm giảm rủi ro, tạo tâm lý yên tâm cho nhà đầu tư.

Trên thị trường cấp 2: Qua các giao dịch mua và bán chứng khoán các công ty chứng khoán giúp người đầu tư chuyển đổi chứng khoán thành tiền mặt và ngược lại. Những hoạt động này có thể làm tăng tính thanh khoản của những tài sản nhất định.

Đối với các cơ quan quản lý thị trường:

Công ty chứng khoán cần phải minh bạch và công khai trong hoạt động. Các thông tin công ty chứng khoán có thể cung cấp bao gồm thông tin về các giao dịch mua bán trên thị trường thông tin về các cổ phiếu, trái phiếu tổ chức phát hành, thông tin về các nhà đầu tư,.. Nhờ các thông tin này các cơ quan quản lý thị trường có thể kiểm soát và chống các hiện tượng thao túng, lũng đoạn, bóp méo thị trường.

### **1.3 Đối tượng và các phương pháp phân tích**

#### **1.3.1 Đối tượng phân tích**

Để phân tích về doanh nghiệp có cái nhìn chung tổng quát vì thế phân tích báo cáo tài chính công ty doanh nghiệp qua đó nhận xét chung về tình hình tài chính.

Qua đó báo cáo tài chính là một bức tranh tổng hợp phản ánh tình hình tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí kết quả kinh doanh và các quan hệ tài chính của

doanh nghiệp tại một thời điểm hay thời kỳ.

### **1.3.1.1 Bảng cân đối kế toán**

Bảng cân đối kế toán là một trong những báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tình hình tài sản, nguồn vốn và các quan hệ tài chính doanh nghiệp tại một thời điểm.

Bảng cân đối kế toán được phân làm 2 phần: Phần tài sản và phần nguồn vốn (Mẫu số B 01-DN).

Về phần tài sản: Các chỉ tiêu ở phần tài sản sẽ phản ánh toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo theo cơ cấu tài sản và hình thức tồn tại trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Mà về phần tài sản được chia ra như sau:

Tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn.

Về phần nguồn vốn: Phản ánh nguồn hình thành tài sản hiện có tại doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo. Các chỉ tiêu nguồn vốn thể hiện trách nhiệm pháp lý doanh nghiệp đối với tài sản đang quản lý và sử dụng ở doanh nghiệp. Nguồn vốn được chia ra như sau:

Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

### **1.3.1.2 Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là BCTC tổng hợp phản ánh nói lên tình hình và kết quả kinh doanh trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp thường là 1 năm. Báo cáo kết quả kinh doanh chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh chính và các hoạt động khác tình hình thực hiện nghĩa vụ nhà nước về thuế và các khoản phải nộp. Báo cáo kết quả kinh doanh là căn cứ quan trọng để đánh giá việc thực hiện các mục tiêu cơ bản của doanh nghiệp như doanh thu, giá thành lợi nhuận,.. Đồng thời là căn cứ để phân tích hiệu quả đồng vốn bỏ ra khả năng sinh lời của doanh nghiệp ở hiện tại và những dự toán trong tương lai. Ngoài bảng cân đối kế toán, bảng kết quả hoạt động kinh doanh là những dữ liệu cơ bản nhất nhà phân tích tài chính còn sử dụng các tài liệu khác bổ sung, các bảng giải trình,.. nhằm phân tích hiệu quả hơn. (Mẫu số B 02-DN).

### **1.3.1.3 Bảng lưu chuyển tiền tệ**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo phản ánh dòng tiền thu chi trong kỳ hiện tại để có cơ sở dự báo dòng tiền trong kỳ tới là căn cứ đưa ra quyết định sử dụng vốn có hiệu quả hơn.

Dòng tiền phát sinh từ hoạt động kinh doanh là khoản tiền thu về từ các hoạt động kinh doanh tạo ra. Dòng tiền này bao gồm tiền từ thu từ bán hàng trong kỳ, thu của người mua từ kỳ trước.

Dòng tiền phát sinh từ hoạt động đầu tư là khoản tiền từ hoạt động có liên quan đến mua sắm, xây dựng, nhượng bán, thanh lý tài sản dài hạn và các khoản đầu tư khác.

Dòng tiền phát sinh từ hoạt động tài chính là khoản tiền có liên quan đến việc thay đổi quy mô và kết cấu của vốn chủ sở hữu và vốn vay của doanh nghiệp. Dòng tiền thu tài chính là những khoản tiền thu lãi từ đầu tư, mua cổ phiếu. (Mẫu số B 03-DN).

### **1.3.1.4 Bảng thuyết minh báo cáo tài chính**

Thuyết minh báo cáo tài chính là một trong những báo cáo tài chính tổng hợp nhằm giải thích và chứng minh bằng lời, bằng số liệu một số chỉ tiêu tài chính chưa được thể hiện trên các báo cáo tài chính ở trên. Bản thuyết minh này cung cấp thông tin bổ sung cần thiết cho việc đánh giá tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm báo cáo (Mẫu số B 09-DN).

## **1.3.2 Phương pháp phân tích**

Phương pháp phân tích là một quá trình chia nhỏ các đối tượng một vấn đề phức tạp thành các vấn đề nhỏ hơn để hiểu rõ hơn về những phương pháp đó. Phương pháp phân tích dùng để khám phá cấu trúc, các mối quan hệ, chức năng thành phần trong từng phương pháp nghiên cứu.

### **1.3.2.1 Phương pháp liên hệ**

Các chỉ tiêu tài chính thường có mối liên hệ quan trọng gắn kết với nhau, phương pháp này thường bao gồm: liên hệ cân đối, liên hệ thuận ngược chiều, liên hệ tương quan.

Liên hệ cân đối thường thể hiện bằng phương trình kinh tế hoặc quan hệ tương xứng giữa các chỉ tiêu tài chính với nhau.

$$\text{Tổng tài sản} = \text{Tổng nguồn vốn}$$
$$\text{TSNH} + \text{TSDH} = \text{NVCSH} + \text{Nợ Phải trả.}$$

Phương pháp này sử dụng phân tích các kết quả thu được. Từ mỗi liên hệ đó ta xác định ảnh hưởng của các nhân tố biết được tính quy luật liên hệ các nhân tố. Phương pháp liên hệ thuận và ngược chiều sử dụng khi mối quan hệ giữa các chỉ tiêu nguyên nhân ở dạng thương số đối với chỉ tiêu kết quả. Từ đó ta xác định ảnh hưởng của các nhân tố thể hiện bằng sự tương đối.

Phương pháp liên hệ phương pháp tương quan là khi trong khi phân tích báo cáo tài chính nói chung và phân tích hiệu quả kinh doanh nói riêng có nhiều chỉ tiêu kinh tế thể hiện mối tương quan hàm số.

### 1.3.2.2 Phương pháp so sánh

Phương pháp so sánh được sử dụng phổ biến và rộng rãi nhất và quan trọng trong phân tích kinh doanh nói chung và báo cáo tài chính nói riêng. Khi so sánh thường đối chiếu các chỉ tiêu tài chính với nhau để biết được mức biến động của các đối tượng đang nghiên cứu. Để so sánh có ý nghĩa thì các chỉ tiêu khi so sánh phải thống nhất nội dung về kinh tế, đơn vị tính cách tính và các điều kiện môi trường của chỉ tiêu so sánh. Kết quả so sánh thường thể hiện số tuyệt đối, số tương đối và số trung bình.

Phương pháp so sánh thường được sử dụng dưới dạng:

- So sánh đơn giản (so sánh theo chiều ngang).
- So sánh liên hệ (so sánh theo chiều dọc).

Phương pháp so sánh được sử dụng thường xuyên được sử dụng trong phân tích tác nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu khi đưa ra các quyết định và có ưu điểm là cách dùng đơn giản mang lại hiệu quả cao ít tính toán khi phân tích do vậy nó được sử dụng rộng rãi.

### 1.3.2.3 Phương pháp loại trừ

Phương pháp loại trừ là một phương pháp mang tính tư duy và phân tích để giải quyết vấn đề hoặc đưa ra các quyết định loại trừ dần, loại bỏ các phương án, yếu tố hay các quyết định không phù hợp hoặc không có tính khả thi từ đó thu hẹp khoảng cách các lựa chọn còn lại khi chỉ còn lại các phương án hợp lý. Phương pháp loại trừ thường bao gồm hai dạng: Phương pháp thay thế liên hoàn và phương pháp thay số chênh lệch.

#### 1.3.2.4 Phương pháp mô hình tài chính dupont

Trong phân tích tài chính người ta thường vận dụng mô hình Dupont để phân tích mối liên hệ giữa các chỉ tiêu tài chính. Chính nhờ sự phân tích mối liên kết giữa các chỉ tiêu mà người ta có thể phát hiện ra những nhân tố đã ảnh hưởng đến chỉ tiêu phân tích theo một trình tự logic chặt chẽ. Vận dụng mô hình dupont phân tích hiệu quả kinh doanh trong mối liên hệ giữa các yếu tố đầu vào và kết quả đầu ra của doanh nghiệp trong một kỳ kinh doanh nhất định.

Chi phí đầu vào doanh nghiệp có thể là tổng tài sản, tổng chi phí sản xuất kinh doanh chỉ ra trong kỳ, vốn ngắn hạn, vốn dài hạn, vốn chủ sở hữu,..

Kết quả đầu ra của doanh nghiệp có thể là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh hoặc tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp,...

Mô hình Dupont thường được vận dụng trong phân tích tài chính có dạng:

$$\begin{aligned} \text{Tỷ suất sinh lời (ROA)} &= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tài sản bình quân}} \\ &= \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tài sản bình quân}} \times \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu}} \end{aligned}$$

**Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)**

$$= \text{Vòng quay của tài sản (ROA)} \times \text{Tỷ suất sinh lời (ROS)}$$

Từ mô hình phân tích trên cho thấy, để nâng cao khả năng sinh lời của một đồng tài sản mà doanh nghiệp đang sử dụng, quản trị doanh nghiệp phải nghiên cứu và có những biện pháp gì cho việc nâng cao không ngừng khả năng sinh lời của

doanh thu và sự vận động của tài sản.

Mô hình có ý nghĩa lớn và tính nhất thiết đối với quản trị doanh nghiệp đánh giá đầy đủ và khách quan đến những nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó đề ra được hệ thống các biện pháp tỉ mỉ và xác thực nhằm tăng cường công tác cải tiến tổ chức quản lý kinh doanh, góp phần không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp ở các kỳ kinh doanh tiếp theo. Qua đó thấy rằng phân tích báo cáo tài chính rất đa dạng, sử dụng thành thạo góp phần nâng cao tình hình tài chính hiệu quả của hệ thống và cho thấy được sức đóng góp quan trọng trong phân tích các chỉ tiêu phân tích.

#### **1.4 Nội dung phân tích tình hình tài chính**

##### **1.4.1 Phân tích tài sản - nguồn vốn**

###### ***Thứ nhất, phân tích tài sản:***

Việc xem xét phân tích tình hình tài chính tài sản của một doanh nghiệp nói lên rất quan trọng để đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp, nhìn vào tỷ trọng và các loại tài sản của doanh nghiệp sở hữu nhà đầu tư có cái nhìn bao quát nhất khi muốn tham gia đầu tư vào.

Tài sản của doanh nghiệp được hiểu là tất cả những tài sản hữu hình, vô hình hoặc có thực gồm tiền hoặc giấy tờ có giá, hoặc những quyền tài sản của doanh nghiệp trong một thời điểm nhất định và tài sản đó có khả năng đem lại lợi ích, lợi nhuận cho doanh nghiệp đó.

*Về tiền và tương đương tiền:* Để khắc phục nhược điểm của chỉ tiêu ‘ tiền và tương đương tiền ’ là tính thời điểm, nên khi xem xét cần liên hệ với tình hình biến động của chỉ tiêu “ Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của tiền và tương đương tiền”. Đồng thời căn cứ vào nhu cầu thực tế về tiền của doanh nghiệp trong từng giai đoạn để nhận xét. Khoản mục này có thể tăng hoặc giảm không phải do thiếu tiền mà có thể doanh nghiệp đang có kế hoạch tập trung tiền cho nhiều dự án sắp tới hay do doanh nghiệp vừa đầu tư một số lĩnh vực kinh doanh khác.

*Đầu tư tài chính:* Khi xem xét khoản đầu tư này cần liên hệ với chính sách đầu tư của doanh nghiệp cũng như môi trường đầu tư trong từng thời kỳ. một điều cũng thể khẳng định rằng trong nền kinh tế phát triển đầu tư tài chính là cơ hội cần

thiết để giúp doanh nghiệp sử dụng số vốn dư thừa có hiệu quả đồng thời tạo cho doanh nghiệp có nhiều cơ hội để học hỏi kinh nghiệm và kiến thức quản lý kinh tế.

*Về khoản phải thu:* Đây là số vốn (Tài sản) của doanh nghiệp nhưng bị người mua và người bán chiếm dụng. Khoản phải thu này tăng giảm do nhiều nguyên nhân. Khi xem xét nội dung này liên hệ với phương pháp tiêu thụ, với chính sách kinh doanh, khả năng quản lý nợ cũng như năng lực tài chính của khách hàng.

*Tài sản cố định:* Khi xem xét tỷ trọng của tài sản cố định chiếm trong tổng số tài sản, bên cạnh với việc liên hệ ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp, nhà phân tích cần liên hệ với tình hình đầu tư, với chu kỳ kinh doanh và phương pháp khấu hao để rút ra nhận xét thích hợp. Đồng thời cần đi xem xét tỷ trọng của từng bộ phận tài sản qua đó đánh giá chính xác hơn tình hình đầu tư và cơ cấu tài sản cố định của doanh nghiệp.

*Đầu tư tài chính dài hạn:* Khi xem xét chỉ tiêu này chiếm tổng bao nhiêu so với tổng tài sản, cần liên hệ với các chính sách và chủ trương về kinh doanh của doanh nghiệp để đánh giá.

### ***Thứ hai, phân tích nguồn vốn:***

Là tỉ trọng giữa các nguồn vốn mà doanh nghiệp huy động và sử dụng, thường được quy về 2 nguồn chính là vốn chủ sở hữu và nợ phải trả. Nợ phải trả được chia thành nợ ngắn hạn (có thời hạn không quá 1 năm) và nợ dài hạn, có thể đến từ việc phát hành trái phiếu hoặc các khoản đi vay của doanh nghiệp. Vốn chủ sở hữu đến từ việc phát hành cổ phiếu hoặc đến từ lợi nhuận giữ lại của công ty.

Bên cạnh việc so sánh biến động trên tổng số nguồn vốn cũng như từng loại nguồn vốn (vốn chủ sở hữu, nợ phải trả) giữa kỳ phân tích so với kỳ gốc và còn phải xem xét tỷ trọng từng loại nguồn vốn chiếm trong tổng số và xu hướng biến động của chúng theo thời gian để thấy được mức độ hợp lý và tài chính của doanh nghiệp trong việc huy động vốn. Việc đánh giá phải dựa trên tình hình biến động của từng bộ phận vốn huy động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ thì có thể xem xét và so sánh biến động về tỷ trọng từng bộ phận nguồn vốn chiếm trong tổng số nguồn vốn của doanh nghiệp qua nhiều năm và so với cơ cấu chung của ngành để đánh giá tổng thể.

## 1.4.2 Phân tích công nợ - khả năng thanh toán

❖ *Phân tích công nợ của doanh nghiệp:*

**Hệ số nợ nói chung của doanh nghiệp tốt nhất khi đạt từ 50% – 60%**

$$K_{NC} = \text{Tổng nợ phải trả} / \text{Tổng tài sản}$$

Chỉ tiêu này cho biết khi mà doanh nghiệp có 100 đồng thì trong tổng tài sản có bao nhiêu đồng được phát hành từ nợ phải trả.

**Hệ số nợ tính trên tài sản ngắn hạn so với tổng nợ phải trả của doanh nghiệp.**

$$K_{TSNH} = \text{Tổng nợ phải trả} / \text{Tài sản ngắn hạn}$$

Khi mà:  $K_{TSNH} > 1$  là xấu còn  $K_{TSNH} < 1$  là tốt.

Chỉ tiêu này cho biết trong 100 đồng thì trong tài sản ngắn hạn có bao nhiêu đồng được phát hành từ nợ phải trả.

**Hệ số nợ tính trên tài sản ngắn hạn so với nợ ngắn hạn của doanh nghiệp.**

$$K_{NH} = \text{Nợ ngắn hạn} / \text{Tài sản ngắn hạn}$$

$K_{NH}$  là tốt khi đạt từ 50% - 60% là tốt còn mà  $> 60\%$  là không tốt.

Trong 100 đồng đó thì tổng tài sản có bao nhiêu đồng được phát hành từ nợ ngắn hạn.

*Chú ý:*

Các hệ số nợ của doanh nghiệp càng thấp, mức độ an toàn vốn vay DN càng cao. Khi các hệ số nợ càng cao khả năng thanh toán của DN càng khó khăn, DN cần xem xét lại khả năng vay vốn của mình.

**Hệ số nợ của nguồn vốn phản ánh tổng số nợ phải trả trên nguồn vốn của doanh nghiệp.**

Khi hệ số nợ này càng cao đồng nghĩa với việc thu hồi nợ của họ sẽ càng thấp đi.

$$\text{Hệ số nợ} = \text{Tổng nợ phải trả} / \text{Tổng nguồn vốn}$$

**Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu:**

Là mức độ một công ty phụ thuộc vào nguồn vốn đến từ nợ thay vì nguồn vốn đến từ vốn chủ sở hữu. Hệ số này càng lớn thì mức độ sử dụng nợ của doanh nghiệp càng nhiều và ngược lại.

$$\text{Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

❖ *Phân tích khả năng thanh toán của doanh nghiệp*

*Phân tích các khoản phải thu:*

Phân tích các khoản phải thu của công ty là một hình thức so sánh các khoản mục đầu năm với các khoản mục cuối năm từ đó đánh giá tình hình tài chính của công ty.

**Các khoản phải thu**

$$\text{Tỷ lệ giữa các khoản phải thu và nguồn vốn} = \frac{\text{Các khoản phải thu}}{\text{Tổng nguồn vốn}}$$

*Phân tích các khoản phải trả:*

Phân tích các khoản phải trả là quá trình so sánh các khoản nợ phải trả so với tổng nguồn vốn của công ty, so sánh các khoản đầu năm và cuối năm để thấy được mức độ chênh lệch đến tình hình tài chính của công ty.

$$\text{Tỷ số nợ} = \frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Tổng nguồn vốn}}$$

*Phân tích khả năng thanh toán bằng tiền*

Tỷ số thanh toán bằng tiền của công ty nói đến việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn bằng các tài sản có tính thanh khoản cao như tiền mặt hoặc các khoản tương đương tiền.

**Tỷ số thanh toán nhanh bằng TM**

$$= \frac{\text{Tiền và các khoản tương đương tiền}}{\text{Nợ phải trả ngắn hạn}}$$

*Phân tích khả năng thanh toán hiện thời*

Phân tích khả năng thanh toán là xem xét tài sản của công ty có đủ trang trải cho các khoản nợ ngắn hạn. Tỷ số >1 thể hiện khả năng thanh toán ngắn hạn của

doanh nghiệp trong tình trạng tốt. Nếu tỷ số này quá cao thì lại là một biểu hiện không tốt do việc tài sản ngắn hạn quá nhiều (tiền mặt, khoản phải thu, hàng tồn kho...) ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của công ty.

$$\text{Khả năng thanh toán hiện thời} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

#### *Phân tích khả năng thanh toán nhanh*

Khả năng thanh toán nhanh cho thấy khả năng thanh toán thực sự của công ty trước những khoản nợ ngắn hạn diễn ra nhanh hay chậm trong quá trình thanh toán.

$$\text{Tỷ số khả năng thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tiền} + \text{Khoản phải thu}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

#### **1.4.3 Phân tích doanh thu – lợi nhuận – chi phí**

Phân tích doanh thu lợi nhuận chi phí trong kỳ hay qua các năm giúp nhà đầu tư đánh giá được tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, rõ nhất qua từng quý xem qua lợi nhuận sau thuế hay doanh thu thuần mà công ty kinh doanh có lãi hay lỗ trong suốt quá trình kinh doanh. Trong đó:

Doanh thu là tất cả số tiền mà chính công ty đó kiếm được từ các hoạt động kinh doanh trong một khoảng thời gian nhất định ở hiện tại, chỉ số này hay được dùng để đánh giá quy mô và sức mạnh của một doanh nghiệp. Bao gồm các mục doanh thu như sau:

- Doanh thu từ hoạt động tự doanh.
- Doanh thu từ hoạt động môi giới.
- Doanh thu quản lý các quỹ.
- Doanh thu từ hoạt động bảo lãnh phát hành.
- Doanh thu tư vấn tài chính.
- Doanh thu từ hoạt động cho vay ký quỹ

- Doanh thu từ các dịch vụ khác (dịch vụ lưu ký, dịch vụ thanh toán bù trừ)

Doanh thu là yếu tố để khẳng định vị thế quan trọng của doanh nghiệp đánh giá khả năng sinh lời và sức mạnh tài chính và có dư địa phát triển vững mạnh ở tương lai.

Chi phí của một công ty chứng khoán bao gồm các khoản chi mà bắt buộc công ty phải bỏ ra để duy trì hoạt động kinh doanh cung cấp các loại dịch vụ cho khách hàng. Sau đây một số loại chi phí mà công ty phải đối mặt như:

- Chi phí nhân viên (Lương và phúc lợi và các chi phí đào tạo)
- Chi phí hoạt động (Chi phí thuê văn phòng, chi phí trong vấn đề bảo hành trên không gian mạng, chi phí marketing)
- Chi phí pháp luật
- Chi phí rủi ro và bảo hiểm
- Chi phí khác

Qua đây có thể thấy được chi phí là rất nhiều cho nên cần phải cân nhắc đưa ra các lựa chọn hợp lý giữa việc lựa chọn cắt giảm chi phí và duy trì chất lượng dịch vụ và tuân thủ pháp luật. Lên kế hoạch có chiến lược chi phí rõ ràng sẽ giúp công ty tối ưu hóa được lợi nhuận và tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Lợi nhuận là kết quả cuối cùng sau khi trừ đi hết các chi phí từ doanh thu đưa ra kết quả cuối cùng đánh giá được cái nhìn tổng quan cho công ty. Tạo ra giá trị cho cổ đông được xem như là chia cho cổ đông dưới dạng cổ tức hoặc tái đầu tư vào doanh nghiệp từ đây tăng giá trị cổ phần. Lợi nhuận cao sẽ thu hút khả năng sinh lời của các khoản đầu tư vào hoạt động kinh doanh thu hút nhà đầu tư và đối tác đến.

#### **1.4.4 Phân tích các chỉ tiêu tài chính**

##### **Tỷ suất sinh lời trên doanh thu**

$$ROS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100$$

Tỷ suất sinh lời trên doanh thu, nó phản ánh nếu doanh nghiệp thu được 100 đồng doanh thu thì có được bao nhiêu đồng lợi nhuận và phản ánh quan hệ lợi nhuận

ronng giữa nhà đầu tư và doanh thu công ty.

Muốn biết doanh nghiệp kinh doanh có phát triển hay không thì xem vào chỉ số ROS này:

- ROS > 0 Khi đó công ty kinh doanh sẽ có lãi khi ROS này càng lớn thì thể hiện lại cho công ty đem về nhiều lợi nhuận công ty phát triển bền vững và tiềm năng.
- ROS < 0 Chỉ số này âm thì hiển nhiên công ty làm ăn thua kém kém phát triển từ đó công ty bị lỗ.

**Tỷ suất sinh lời của tài sản:**

$$ROA = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tài sản bình quân}} \times 100$$

Chỉ số ROA là một chỉ số dùng để đo lường trong quá trình kinh doanh và sau đó xem mức độ hiệu quả của việc sử dụng tài sản trong doanh nghiệp.

Về mặt khác thì chỉ số này mang lại ý nghĩa rất quan trọng, một chỉ số cơ bản cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản với nguồn vốn góp từ cổ đông, vốn vay doanh nghiệp. Với 1 đồng tài sản mà bỏ ra đầu tư ban đầu thì sẽ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế qua mỗi năm. Khi chỉ số ROA cao ổn định trong nhiều năm có thể tích cực cho thấy công ty đang dùng tài sản này ngày càng đạt chất lượng và hiệu quả tốt và tối ưu hóa các nguồn lực đang có.

**Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu:**

$$ROE = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}} \times 100$$

Chỉ số ROE này là chỉ số tài chính được dùng trong phân tích báo cáo một ngành hay một công ty rất phổ biến mà các nhà đầu tư sử dụng để đo lường khả năng sinh lời sử dụng vốn hiệu quả của một công ty và sức khỏe tài chính chính công ty đó.

Thường chỉ số ROE đạt 20% thì được xem có sức cạnh tốt và có thể tham gia dựa vào ROE để đưa ra sự lựa chọn đầu tư. Một công ty có chỉ số này cao hơn so

với các đối thủ có thể cho thấy khả năng sử dụng vốn tốt hơn.

Tỷ lệ sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) được tính bằng cách lấy lợi nhuận ròng theo niên độ kế toán sau khi đã trả cổ tức cho cổ phần ưu đãi nhưng trước khi trả cổ tức cho cổ phần thường, chia cho toàn bộ vốn chủ sở hữu ( hay vốn cổ phần) vào lúc đầu niên độ kế toán.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Nhìn chung được mặt tổng thể lý thuyết doanh nghiệp cho thấy được các lý thuyết trong tình hình tài chính của công ty chứng khoán, đưa ra được các phương pháp so sánh hay phương pháp loại trừ,.. Từ các lý thuyết phân tích và các chỉ số tính toán có cơ sở để đánh giá được cho tài chính công ty.

## CHƯƠNG 2

# THỰC TRẠNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS QUA 3 NĂM (2021 – 2023)

### 2.1 Giới thiệu về công ty cổ phần chứng khoán KIS

#### 2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS Việt Nam) được thành lập vào tháng 12/2010 bởi Công ty TNHH Đầu tư và Chứng khoán Hàn Quốc (Korea Investment & Securities Co., Ltd, KIS Hàn Quốc) đầu tư cùng Tập đoàn dệt may Việt Nam và các cổ đông khác. KIS Hàn Quốc chiếm tỷ lệ vốn góp 48.8% tại KIS Việt Nam vào tháng 11 năm 2010 và thực hiện nâng cao tỷ lệ sở hữu dần qua các năm với mức sở hữu chính thức hiện nay là 99.8%. Trải qua 10 năm hoạt động tại thị trường Việt Nam, KIS Việt Nam cũng đã thực hiện tăng vốn liên tục để mở rộng hoạt động kinh doanh của công ty với tổng vốn điều lệ lên đến 3,761 tỷ đồng và sẽ còn nâng cao trong tương lai.



*Hình 2.1: Logo công ty chứng khoán KIS*

Công ty chứng khoán KIS Việt Nam được hỗ trợ mạnh mẽ từ những Tập đoàn KIS tại Hàn Quốc với kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và sự kết hợp của các chuyên gia từ nước ngoài với đội ngũ nhân viên xuất sắc, nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, kiểm toán và thị trường vốn trong nước. KIS Việt Nam chú trọng trong việc phát triển kỹ thuật quản trị điều hành và quản trị rủi ro để đưa công ty đứng vào vị trí hàng đầu ở mọi lĩnh vực tài chính tại Việt Nam. Bên cạnh

đó, chúng tôi tin rằng nguồn nhân lực chính là yếu tố đang và sẽ tạo nên uy tín và thành công của KIS Việt Nam trên thị trường chứng khoán.

Tên giao dịch : Công ty Cổ Phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305066125 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 01 tháng 12 năm 2022.

Giấy phép thành lập và hoạt động: Quyết định số 56/UBCK-GPHĐKD ngày - 5/07/2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 108/GPĐC-UBCK ngày 10/11/2022 do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp.

Địa chỉ: Tầng 3 và Tầng 11, Tòa nhà TNR, 180-192 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

Số điện thoại: (84-28) 3914 8585

Email: [cskh@kisvn.vn](mailto:cskh@kisvn.vn)

Hệ thống chi nhánh các phòng giao dịch của KIS hiện tại ở 2 thành phố lớn của Việt Nam là khu vực Hồ Chí Minh và khu vực Hà Nội.

### **2.1.2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

Công ty CP chứng khoán KIS Việt Nam đang thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh trong các lĩnh vực của thị trường chứng khoán bao gồm:

- Môi giới chứng khoán
- Tự doanh bán chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán

Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán nêu trên, công ty cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán , tư vấn tài chính, và các dịch vụ tài chính khác theo quy định. Địa bàn kinh doanh: Việt Nam

### **2.1.3 Tầm nhìn và sứ mệnh**

Mục tiêu chủ yếu công ty chứng khoán KIS phát triển trở thành một công ty chứng khoán chuyên nghiệp thuộc Top 10 thị phần hàng đầu của Việt Nam trên cơ sở kết hợp kinh nghiệm quốc tế và nguồn lực địa phương phù hợp với nhu cầu và

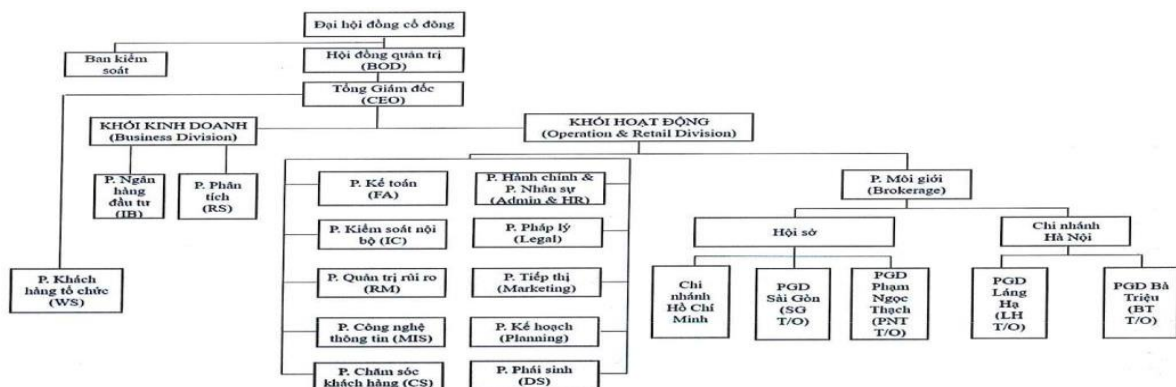
khung pháp lý quy định.

Với tầm nhìn chiến lược dài hạn cũng như theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững. Ban lãnh đạo công ty tập trung vào việc đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên, nâng cao phát triển hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, phát triển mạnh các dịch vụ tiện ích hỗ trợ cho nhà đầu tư:

- Đảm bảo hoạt động ổn định và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.
- Xây dựng cấu trúc tổ chức kinh doanh chứng khoán chuyên nghiệp, phục vụ hiệu quả các nhà đầu tư trong và nước ngoài.
- Cải tiến những giá trị mới cho hoạt động kinh doanh thông qua việc phát triển sản phẩm mới, nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng và quản trị rủi ro.
- Cải tiến nâng cấp hệ thống IT cạnh tranh các hoạt động môi giới cung cấp thông tin hiệu quả hơn cho khách hàng.
- Gia tăng nguồn nhân lực mới môi giới có chất lượng với các chế độ lương thưởng cạnh tranh để thu hút nhân tài.
- Xây dựng đội ngũ phân tích chứng khoán chuyên nghiệp để phục vụ khách hàng,

gia tăng giá trị công ty tối ưu hóa mang lại lợi ích thiết thực cho các cổ đông.

#### 2.1.4 Cơ cấu tổ chức



Nguồn: Báo cáo thường niên CTCP CK KIS 2023

Hình 2.2 : Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý công ty.

Mô hình quản trị: Công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam có mô hình quản trị bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban

điều hành đứng đầu là Tổng Giám Đốc và các Giám Đốc khối chức năng.

Thẩm quyền cao nhất công ty là Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, Đại hội cổ đông họp thường niên hoặc bất thường, ít nhất mỗi năm họp một lần.

Hội đồng quản trị Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty, để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty ( trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông).

Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022 – 2026 gồm: 3 thành viên do ông Park Won Sang là Chủ Tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc, Số lượng thành viên không điều hành là 01 người, số lượng thành viên điều hành 2 người.

Ban Kiểm Soát Công ty do Đại hội cổ đông bầu, có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt công tác quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

Ban Tổng Giám Đốc công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, gồm 1 Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lãnh đạo quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động của công ty thông qua việc phân cấp phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của công ty thông qua các Giám đốc phụ trách Khối, Giám đốc chi nhánh, Các Trưởng phòng, Trưởng bộ phận.

#### **2.1.4 Một số sản phẩm dịch vụ của công ty**

Công ty chứng khoán KIS có nhiều sản phẩm dịch vụ khác nhau:

##### **Dịch vụ chứng khoán:**

- ❖ Biểu phí
- ❖ Chứng khoán cơ sở
- ❖ Chứng khoán phái sinh
- ❖ Chứng quyền có đảm bảo
- ❖ Trái phiếu riêng lẻ

##### **Dịch vụ hỗ trợ tài chính**

- ❖ Ứng trước

- ❖ Giao dịch ký quỹ
- ❖ Ứng trước tự động tiền

#### **Phân phối chứng chỉ quỹ:**

- ❖ Quỹ mở
- ❖ Quỹ ETF
- ❖ Trái phiếu

#### **Dịch vụ khác:**

- ❖ Quản lý cổ đông và đại lý
- ❖ Đại lý và tư vấn đầu giá

### **2.1.5 Một số thành tựu của công ty cổ phần chứng khoán KIS**

#### Về lĩnh vực kinh doanh

- Năm 2011 Lễ ra mắt quan hệ đối tác chiến lược giữa KIS và Vinatex và KIS mua lại 48,8% cổ phần KIS Việt Nam vào ngày 29/11/2010.
- Năm 2016 KIS Việt Nam tăng vốn hơn 1.100 tỷ đồng được xếp hạng Top 10 công ty chứng khoán lớn nhất Việt Nam.
- Giữa năm 2016 Xếp hạng Top 10 thị phần môi giới HOSE, HNX.
- Năm 2018 KIS Việt Nam tăng vốn hơn 1.897 tỷ đồng Xếp hạng 8 công ty chứng khoán lớn nhất Việt Nam. Với việc tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần của KIS Việt Nam lên 99,3%.
- Năm 2019 Nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần của KIS Việt Nam lên 99,6%.
- Giữa năm 2020 KIS Việt Nam tăng vốn hơn 2.596 tỷ đồng Đứng thứ 8 trong số các công ty chứng khoán tại Việt Nam về vốn chủ sở hữu. Với việc tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần của KIS Việt Nam lên 99,7%.
- Giữa năm 2021 KIS Việt Nam tăng vốn hơn 3.761 tỷ đồng đứng thứ 8 trong số các công ty chứng khoán tại Việt Nam về vốn chủ sở hữu Với việc tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần của KIS Việt Nam lên 99,8%.

## Về lĩnh vực đời sống xã hội

- Năm 2007, KIS tài trợ 200.000USD chi phí đào tạo tại Hàn Quốc cho nhân viên AMP (MOF, SSC, SCIC) Năm 2015~2019, KISVN quyên góp hàng năm cho Quỹ phòng chống thiên tai TP.HCM với số tiền 427 triệu đồng
- Năm 2017 ~ 2023, KISVN đã tài trợ cho nhiều trường đại học tại Việt Nam như Đại học Ngoại thương, Đại học Kinh tế TP.HCM, Đại học Hutech, Đại học Sài Gòn với tổng số tiền 400 triệu đồng
- Năm 2018, KIH tài trợ 300.000USD chi phí đào tạo tại Hàn Quốc cho cán bộ AMP (MOF, SBV, SSC, SCIC, HNX, HOSE, VSD) Trong năm 2020, các công ty con của KIH đã tài trợ tổng cộng 200.000 USD (100.000 USD mỗi năm) cho 'Dự án Nghiên cứu và Giáo dục Dân số' cho Tổng cục Dân số và Kế hoạch hóa Gia đình Việt Nam (GOPFP) thuộc Bộ Y tế. Năm 2020, KIS Việt Nam cùng HOSE ủng hộ 50 triệu đồng và tham gia các hoạt động tình nguyện liên quan đến thiên tai lũ lụt miền Trung.
- Năm 2021, KIS Việt Nam cũng ủng hộ 1,5 tỷ đồng cho Quỹ vắc xin Covid-19 để hỗ trợ các hoạt động phòng chống Covid-19 của Chính phủ.

## 2.2 Tình hình hoạt động và tình hình tài chính công ty chứng khoán KIS

### 2.2.1 Tình hình tài chính về tài sản và nguồn vốn giai đoạn năm 2021 – 2023

#### Phân tích tình hình tài sản:

Qua bảng số 2.1 thấy được tình hình phân tích trên tổng tài sản công ty năm 2022 thấp hơn so với năm 2021 và năm 2023. Năm 2022 giảm 11% hay 1.126.945 triệu đồng nhưng đến năm 2023 thì tăng trở lại và cao hơn năm 2022 là 12 % 1.089.547 triệu đồng. Qua đó chúng ta có thể thấy được tình hình tài sản của công ty qua các năm, và tìm hiểu từng mục bên trong tài sản để thấy rõ hơn:

Tài sản ngắn hạn của công ty năm 2022 so với năm 2021 giảm 12% với 1.173.414 triệu đồng và năm 2023 so với năm 2022 tăng 13% với số tiền 1.081.203 triệu đồng trong đó:

Vốn bằng tiền ( tiền và các khoản tương đương tiền ) năm 2022 tăng so với

năm 2021 là 247% với 714.358 triệu đồng và năm 2023 so với năm 2022 không có gì thay đổi điều này cho thấy khả năng thanh toán nhanh hay thanh toán bằng tiền mặt của công ty là rất tốt.

Các khoản phải thu ngắn hạn năm 2022 so với năm 2021 là tăng rất mạnh đến 734% với 664.381 triệu đồng và tỷ trọng năm 2021 chỉ đạt 0.91% nhưng qua năm 2022 tỷ trọng tăng 8.60%. Năm 2023 các khoản thu ngắn hạn so với năm 2022 giảm đi 84%. Điều này giúp cho các khoản phải thu ngắn hạn năm 2023 quản lý ổn định đi việc chiếm dụng vốn và công ty kiểm soát chặt chẽ các khoản thu ngắn hạn.

Đối với công ty chứng khoán thì không có hàng tồn kho mà theo đó mà chỉ có ở các công ty kinh doanh sản xuất hoặc bán lẻ. Đối với chứng khoán hàng tồn kho được hiểu như các tài sản tài chính mà họ nắm giữ như cổ phiếu trái phiếu, và các chứng khoán khác.

Tài sản ngắn hạn khác của công ty của năm 2022 so với năm 2021 thì giảm 38% với 27.148 triệu đồng tỷ trọng tài sản ngắn hạn khác cũng giảm từ 0.73% xuống còn 0.51%. Cho đến năm 2023 tỷ trọng tài sản ngắn hạn khác cũng tăng lên 0.91% và thấy được

sự chênh lệch giữa năm trước 2023 và năm 2022 với số tiền là 45.398 triệu đồng cho thấy năm 2023 công ty đang sử dụng nhiều tài sản ngắn hạn nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ trong kinh doanh.

Tài sản dài hạn của công ty năm 2022 so với năm 2021 tăng 17% với 46.469 triệu đồng và tỷ trọng dài hạn so với tổng tài sản cũng tăng (3.72% so với 2.82%).

Công ty không có các khoản thu dài hạn có thể vì một số nguyên nhân: Tính chất kinh doanh ngắn hạn (Giao dịch chứng khoán, phí môi giới và tư vấn đầu tư thường mang tính chất ngắn hạn), Biến động thị trường (Thu nhập từ các khoản đầu tư và dịch vụ tài chính có thể bị ảnh hưởng bởi biến động thị trường), Quy định và chính sách ( Các quy định và chính sách có thể ảnh hưởng đến khả năng tạo ra các khoản thu dài hạn của các công ty chứng khoán), rủi ro tín dụng (Cho vay margin và các khoản vay dài hạn khác mang theo rủi ro tín dụng, trường hợp nếu không đủ rủi ro quản lý công ty chứng khoán sẽ dễ dính tới khoản nợ xấu.

Tài sản cố định của công ty năm 2022 so với năm 2021 tăng 72% với 19.171

triệu đồng. Năm 2023 tăng 4% so với năm 2022 với 1.813 triệu đồng. Nhìn chung thì tài sản cố định công ty năm 2022 là đầu tư mạnh nhằm nâng chất lượng làm việc.

Đầu tư tài chính ngắn hạn qua 3 năm từ năm 2021 đến năm 2023 đã tăng từ 1.92% lên 2.41%. Việc đầu tư tài chính giúp công ty duy trì thanh khoản tối ưu hóa lợi nhuận, giảm thiểu rủi ro, linh hoạt trong lĩnh vực đầu tư, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Bảng 2.1: Phân tích tình hình tài sản của công ty chứng khoán KIS năm 2021 – 2023

Nguồn: BCTC của CTCP CK KIS 2021 -2023 (Đơn vị tính: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Chênh lệch năm 2022 so với năm 2021		Chênh lệch năm 2023 so với năm 2022	
	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	9,621,228	97.18%	8,447,814	96.28%	9,529,018	96.61%	(1,173,414)	-12%	1,081,204	13%
Tiền và tương đương tiền	289,719	2.93%	1,004,078	11.44%	1,005,537	10.19%	714,359	247%	1,459	0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9,240,947	93.33%		0.00%	-	0.00%	(9,240,947)	-	-	-
Phải thu ngắn hạn	90,562	0.91%	754,944	8.60%	124,559	1.26%	664,382	734%	(630,385)	-84%
Hàng tồn kho	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	71,939	0.73%	44,790	0.51%	90,189	0.91%	(27,149)	-38%	45,399	101%
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	279,678	2.82%	326,147	3.72%	334,491	3.39%	46,469	17%	8,344	3%
Phải thu dài hạn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản cố định	26,458	0.27%	45,629	0.52%	47,442	0.48%	19,171	72%	1,813	4%
Đầu tư tài chính dài hạn	190,000	1.92%	209,000	2.38%	237,400	2.41%	19,000	10%	28,400	14%
<b>C. Tổng tài sản</b>	9,900,907		8,773,962		9,863,509		(1,126,945)	-11%	1,089,547	12%

### ***Phân tích tình nguồn vốn:***

Nhìn vào bảng số 2.2 phân tích thấy được rằng tổng nguồn vốn từ năm 2021 - 2023 có sự điều chỉnh nhẹ, năm 2022 so với năm 2021 giảm 11.38% với 1.126.945 triệu đồng nhưng đến năm 2023 nguồn vốn tăng ngược trở lại tăng 12.42% điều này nói lên công ty đang muốn mở rộng kinh doanh hơn để hiểu rõ hơn nguồn vốn tăng nhanh tìm hiểu rõ hơn một số tiêu chí sau:

Nợ phải trả của công ty năm 2022 so với năm 2021 giảm 24.19% hay 1.257.236 triệu đồng và tỷ trọng nợ so với tổng nguồn vốn cũng giảm ( 52.49% đến 44.91%). Đến năm 2023 so với năm 2022 nợ phải trả tăng 15.83% hay 623.887 triệu đồng tỷ trọng cũng tăng lên cho thấy năm 2023 các khoản nợ phải trả tăng lên đồng nghĩa với việc công ty phải gánh một khoản nợ phải trả điều này không tốt cho công ty.

Bên trong các khoản nợ phải trả bao gồm như nợ ngắn hạn, nợ dài hạn, nợ khác: Thì khoản nợ ngắn hạn là chiếm phần lớn trong nợ phải trả của công ty.

Nợ ngắn hạn của năm 2022 so với năm 2021 giảm 19.47% hay 952.518 triệu đồng tỷ trọng nợ ngắn hạn so với tổng nguồn vốn giảm ( 52.49% đến 44.91% ). Nợ ngắn hạn 2023 so với 2022 tăng 15.03% với 615.977 triệu đồng và tỷ trọng cũng tăng.

Nguồn vốn chủ sở hữu năm 2022 so với năm 2021 tăng 2.77% với 130.291 triệu đồng. Năm 2023 so với năm 2022 tăng 9.63% với 465.659 triệu đồng. Khi mà nguồn vốn chủ sở hữu liên tục qua 3 năm thì có thể rằng sức mạnh tài chính và khả năng chủ động về tài chính cũng tăng lên và công ty mở rộng cơ sở kinh doanh. Tỷ trọng cả 3 năm so với tổng nguồn vốn cũng tăng lên cho thấy hoạt động kinh doanh có sử dụng một nguồn vốn từ bên ngoài

Bảng 2.2: Phân tích tình hình nguồn vốn của công ty chứng khoán KIS năm 2021 – 2023

Nguồn: BCTC của CTCP CK KIS 2021 -2023 (Đơn vị tính: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Chênh lệch năm 2022 so với năm 2021		Chênh lệch năm 2023 so với năm 2022	
	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
<b>A. Nợ phải trả</b>	5,197,271	52.49%	3,940,034	44.91%	4,563,922	46.27%	(1,257,237)	- 24.19 %	623,888	15.83 %
Nợ ngắn hạn	4,892,553	49.42%	3,940,034	44.91%	4,556,012	46.19%	(952,519)	- 19.47 %	615,978	15.63 %
Nợ dài hạn	304,717	3.08%	-	-	7,909	0.08%	(304,717)	-	7,909	-
Nợ khác	1	0.00	-	-	1	0.00	(1)	-	1	-
<b>B. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	4,703,635	47.51%	4,833,927	55.09%	5,299,586	53.73%	130,292	2.77%	465,659	9.63%
Vốn hủ sở hữu	4,703,635	47.51%	4,833,927	55.09%	5,299,586	53.73%	130,292	2.77%	465,659	9.63%
Nguồn Kinh Phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>C. Tổng cộng nguồn vốn</b>	9,900,907		8,773,962		9,863,508		(1,126,945)	- 11.38 %	1,089,546	12.42 %

## 2.2.2 Tình hình về công nợ và khả năng thanh toán

### Phân tích tình hình công nợ:

Từ bảng số 2.5 phân tích công nợ dưới đây ta có:

Hệ số nợ nói chung ( $K_{NC}$ ) của công ty năm 2021 đạt trên mức trên trung bình nhưng cho đến năm 2022 và năm 2023 có dấu hiệu giảm dần so với năm 2021. Cụ thể năm 2021 đạt 52.49%, 2021 đạt 44.91%, 2023 đạt 46.27%. Nhìn qua các năm chúng ta đánh giá mức độ an toàn các khoản vay của công ty còn trung bình có sự chủ động về tài chính tốt.

Hệ số nợ tài sản ngắn hạn ( $K_{TSNH}$ ) của công ty đạt mức tốt hệ số qua 3 năm đều < 1 cụ thể năm 2021 54.02%, năm 2022 đạt 46.64%, năm 2023 đạt 47.89% thấy mức độ an toàn vốn của công ty cao. Hệ số nợ tài sản ngắn hạn càng thấp sẽ đánh giá lên quá trình vay vốn của doanh nghiệp còn nếu như hệ số quá cao làm giảm đi khả năng vay vốn hoặc dẫn đến điều kiện vay vốn khó khăn hơn.

Hệ số nợ ngắn hạn ( $K_{NH}$ ) năm 2021 đến năm 2023 đều nhỏ hơn 60% là tốt. Năm 2021 đạt 50,85% cho thấy doanh nghiệp có nhiều nợ ngắn hạn so với tài sản ngắn hạn có thể gặp khó khăn trong việc thanh toán khi các khoản nợ đến hạn. Nhưng đến năm 2022 giảm còn 19.16% và năm 2023 còn lại 2.73%. Qua đó nếu hệ số nợ ngắn hạn của doanh nghiệp thấp dễ dàng nhận ra doanh nghiệp quản lý tài sản ngắn hạn hiệu quả và có khả năng thanh toán tốt.

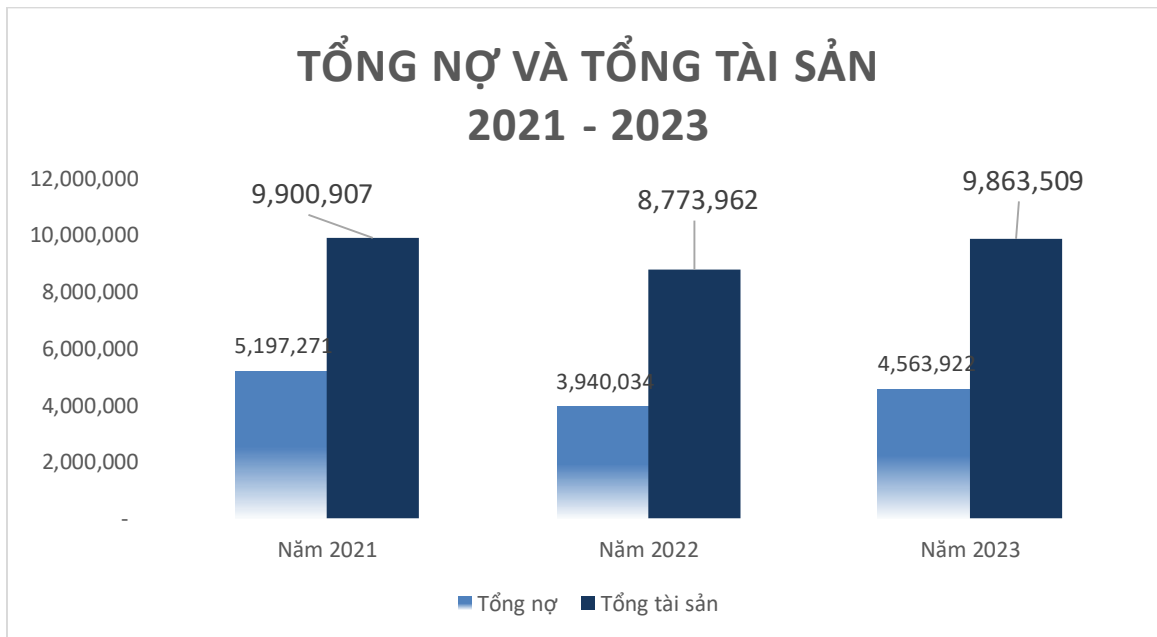
Tỷ số nợ so với tổng tài sản

Bảng 2.3: Tỷ số nợ so với tổng tài sản

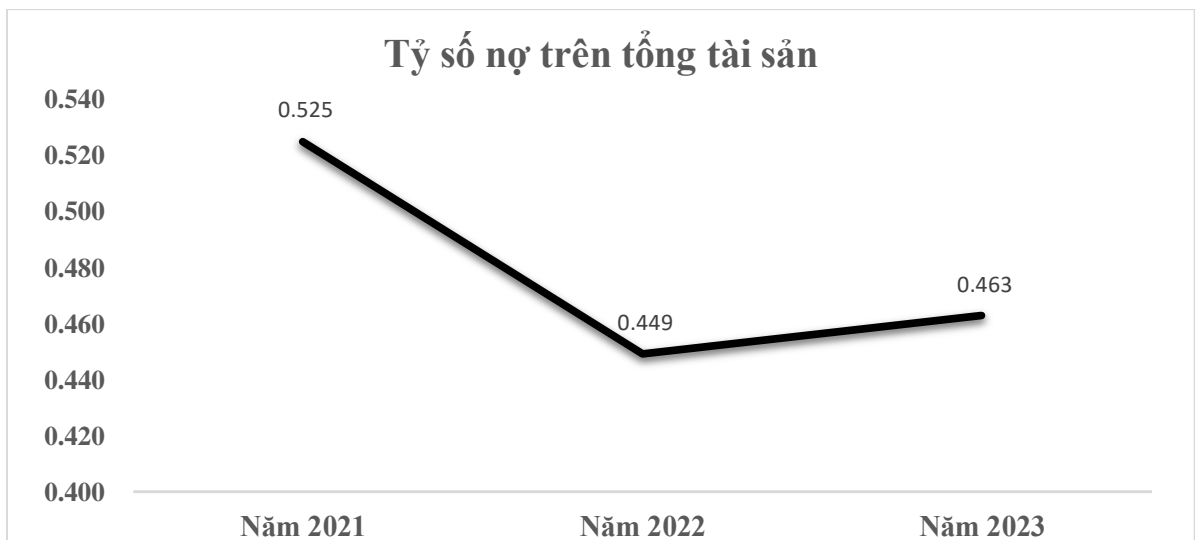
Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
<b>Tổng nợ</b>	5,197,271	3,940,034	4,563,922
<b>Tổng Tài sản</b>	9,900,907	8,773,962	9,863,509
<b>Tỷ số nợ trên tổng tài sản</b>	0.525	0.449	0.463

Biểu đồ: 2.3.1: Tỷ số nợ so với tổng tài sản (biểu đồ cột)



Biểu đồ: 2.3.2: Tỷ số nợ so với tổng tài sản (biểu đồ đường)



Hệ số từ năm 2021 đến năm 2023 đều giảm từ (0.525 đến còn 0.463) phản ánh lên tổng số nợ phải trả so với tài sản của doanh nghiệp, Tỷ số nợ trên tổng tài sản cho thấy trung bình 3 năm gần đây hệ số nợ dưới 50% nguồn vốn để tài trợ cho tài sản của công ty kinh doanh cho dù có lời nhưng công ty cũng phải chi trả cho khoản lãi và bên cạnh đó nó sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty.

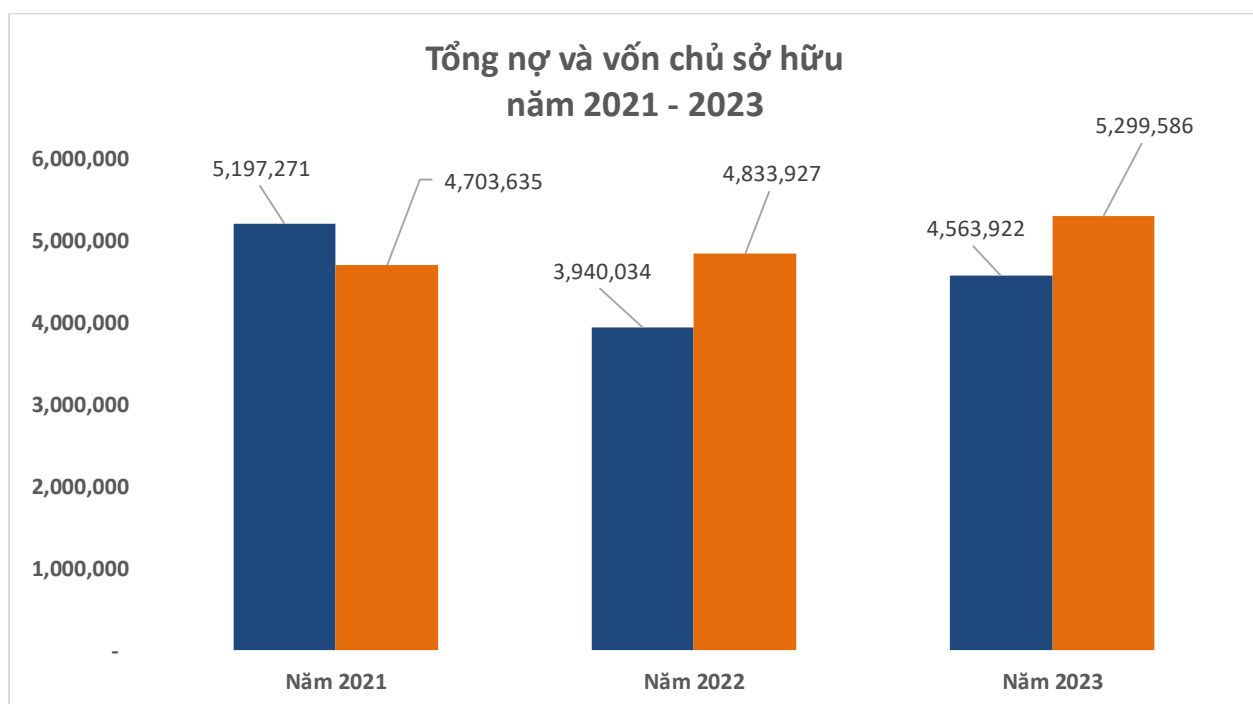
## Tỷ số nợ trên vốn chủ sở hữu

Bảng 2.4: Tỷ số nợ trên VCSH

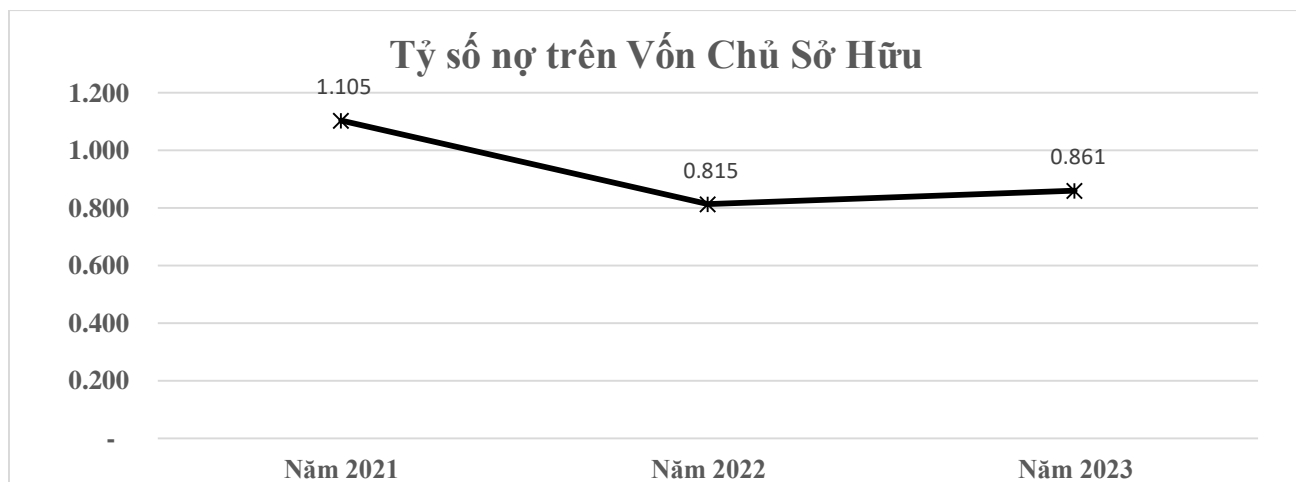
Đơn vị tính: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng nợ	5,197,271	3,940,034	4,563,922
Vốn chủ sở hữu	4,703,635	4,833,927	5,299,586
Tỷ số nợ trên VCSH	1.105	0.815	0.861

Biểu đồ: 2.4.1: Tỷ số nợ trên VCSH (biểu đồ cột)



Biểu đồ: 2.4.2: Tỷ số nợ trên VCSH (biểu đồ đường)



Tỷ số này cho biết ứng với 1 đồng vốn chủ sở hữu, công ty sử dụng đến 1.105 vào năm 2021, năm 2022 là 0.815 lần và năm 2023 là 0.861 lần. Mức độ sử dụng nợ biến động giảm rồi tăng, công ty ít chiếm dụng vốn chủ nợ

Bảng 2.5: Phân tích chung tình hình công nợ của công ty.

Nguồn: BCTC của CTCP CK KIS 2021-2023 (ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Chênh lệch năm 2022 so với năm 2021		Chênh lệch năm 2023 so với năm 2022	
	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
<b>1. Tổng tài sản</b>	9,900,907		8,773,962		9,863,509		(1,126,945)	-	1,089,547	12.42 %
Tài sản ngắn hạn	9,621,228	97.18%	8,447,814	96.28 %	9,529,018	96.61 %	(1,173,414)	-	1,081,204	12.80 %
<b>2. Tổng nợ phải trả</b>	5,197,271		3,940,034		4,563,922		(1,257,237)	-	623,888	15.83 %
Nợ ngắn hạn	4,892,553	94.14%	3,940,034	100%	4,556,012	99.83 %	(952,519)	-	615,978	15.63 %
<b>3. Các khoản thu</b>	90,562		754,944		124,559		664,382	733.62 %	(630,385)	-
Phải thu ngắn hạn	90,562		754,944		124,559		664,382	733.62 %	(630,385)	83.50 %
<b>4 Các chỉ số TC</b>										
Hệ số nợ nói chung	52.49%		44.91%		46.27%					
Hệ số nợ tài sản ngắn hạn	54.02%		46.64%		47.89%					
Hệ số nợ ngắn hạn	50.85%		19.16%		2.73%					

❖ Phân tích khả năng thanh toán của công ty

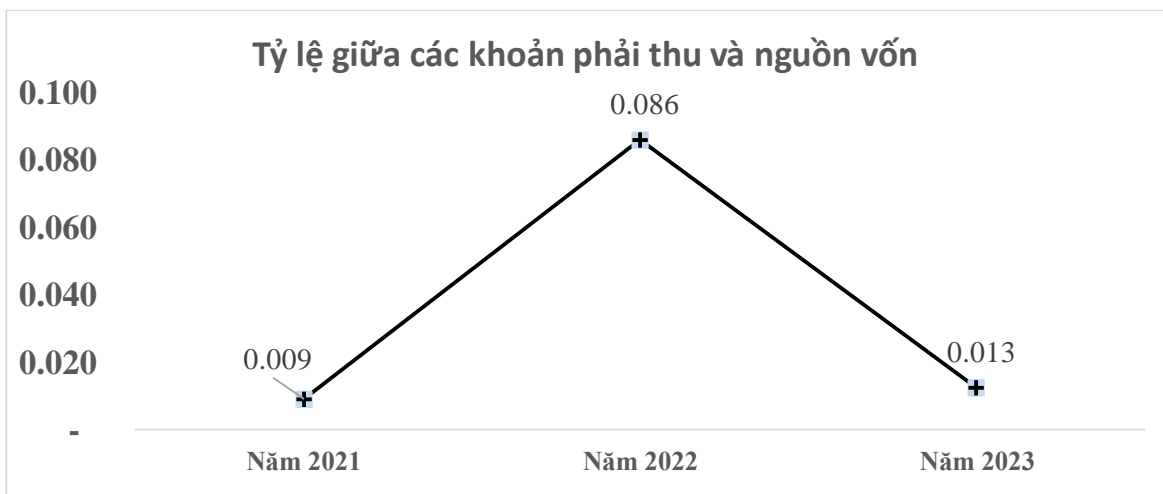
**Phân tích các khoản phải thu**

Bảng 2.6: Phân tích khoản phải thu của công ty.

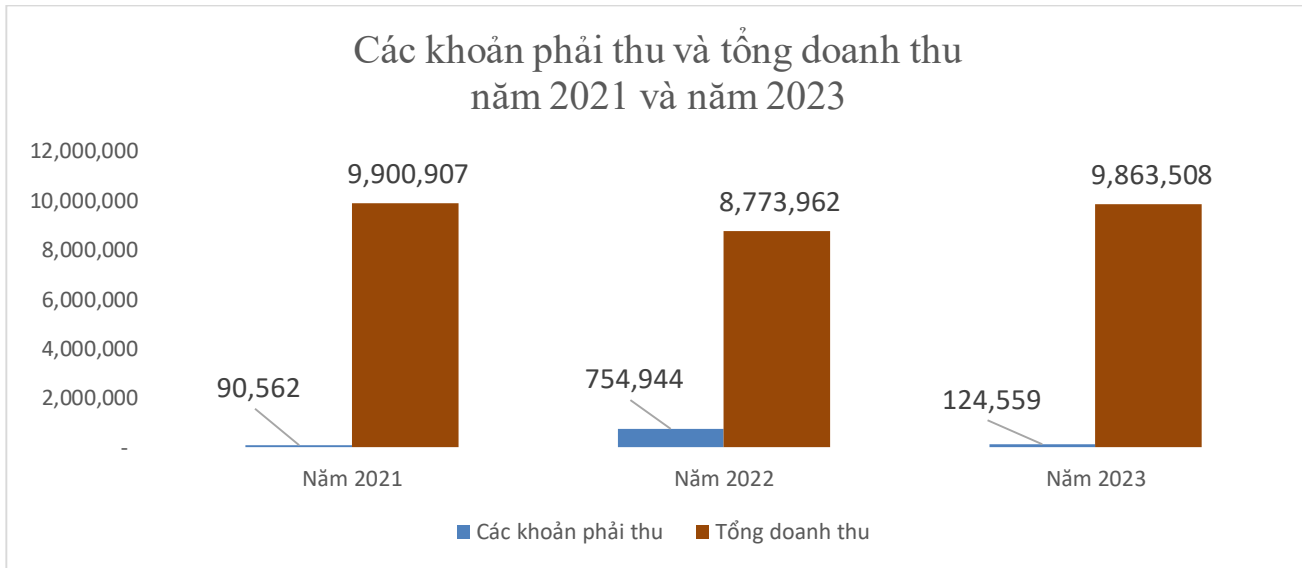
*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Các khoản phải thu	90,562	754,944	124,559
2	Tổng doanh thu	9,900,907	8,773,962	9,863,509
3	Tỷ lệ giữa các khoản phải thu và Nguồn vốn	0.0091	0.0860	0.0126

Biểu đồ: 2.6.1: Tỷ lệ giữa các khoản phải thu và nguồn vốn (biểu đồ đường)



*Biểu đồ: 2.6.2: Tỷ lệ giữa các khoản phải thu và nguồn vốn (biểu đồ cột)*



Tỷ lệ giữa các khoản phải thu và tổng doanh thu năm 2021 là 0.009 năm 2022 là 0.086 và năm 2023 là 0.13. Con số này tăng đến năm 2022 sau đó giảm nói lên năm 2021 chiều hướng không có lợi cho công ty về khả năng chiếm dụng vốn.

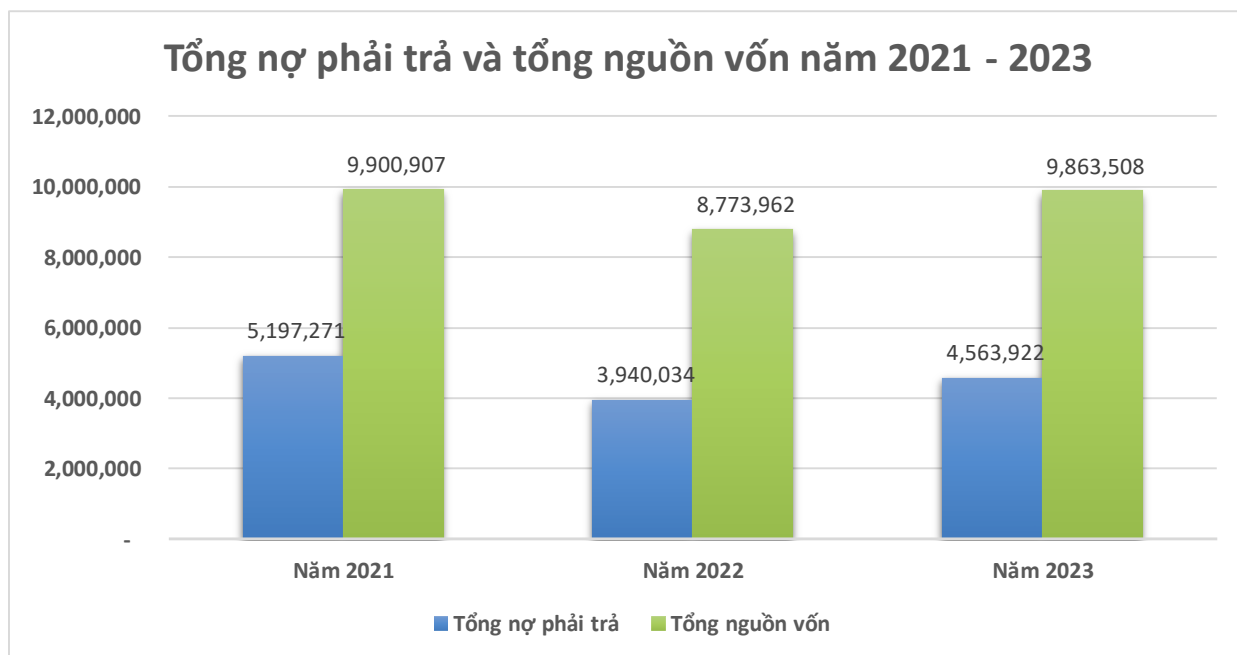
**Phân tích các khoản phải trả**

*Bảng 2.7: Bảng phân tích các khoản phải trả*

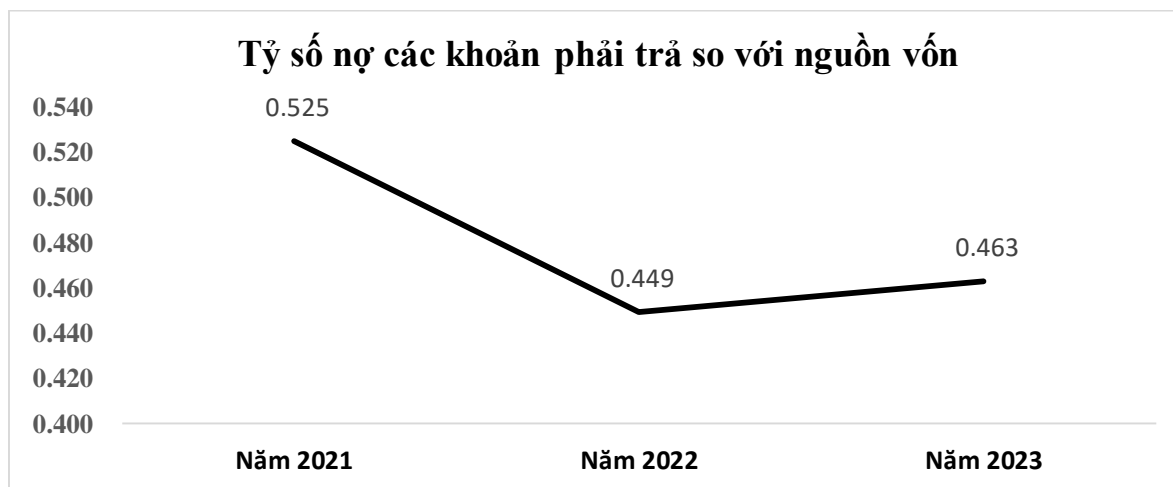
*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	<b>Tổng nợ phải trả</b>	5,197,271	3,940,034	4,563,922
2	<b>Tổng nguồn vốn</b>	9,900,907	8,773,962	9,863,509
3	<b>Tỷ số nợ</b>	0.525	0.449	0.463

Biểu đồ: 2.7.1: Tỷ số nợ các khoản phải trả (biểu đồ cột)



Biểu đồ: 2.7.2: Tỷ số nợ các khoản phải trả (biểu đồ đường)



Nhìn vào bảng 3.7 ta thấy: Nếu 1 đồng nguồn vốn của công ty thì có 0.525 đồng nợ phải trả của năm 2021. Năm 2022 cứ trong 1 đồng nguồn vốn thì có 0.449 đồng nợ sang năm 2023 thì có 0.463 đồng nợ. Tỷ số này cho thấy công ty lệ thuộc vào khoản nợ tương đối cao so với nguồn vốn. Vì khoản thanh toán sẽ ảnh hưởng đến lượng tiền bằng vốn và khả năng thanh toán của công ty khi công ty mở rộng thị phần ra.

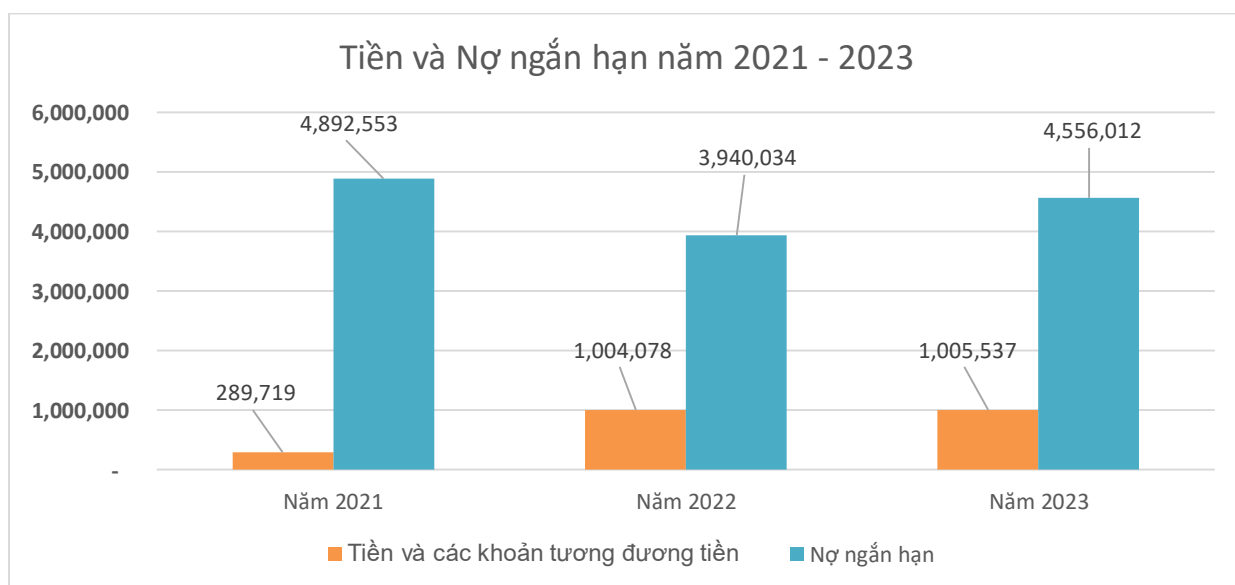
Khả năng thanh toán nhanh bằng tiền:

*Bảng 2.8 Bảng khả năng thanh toán bằng tiền*

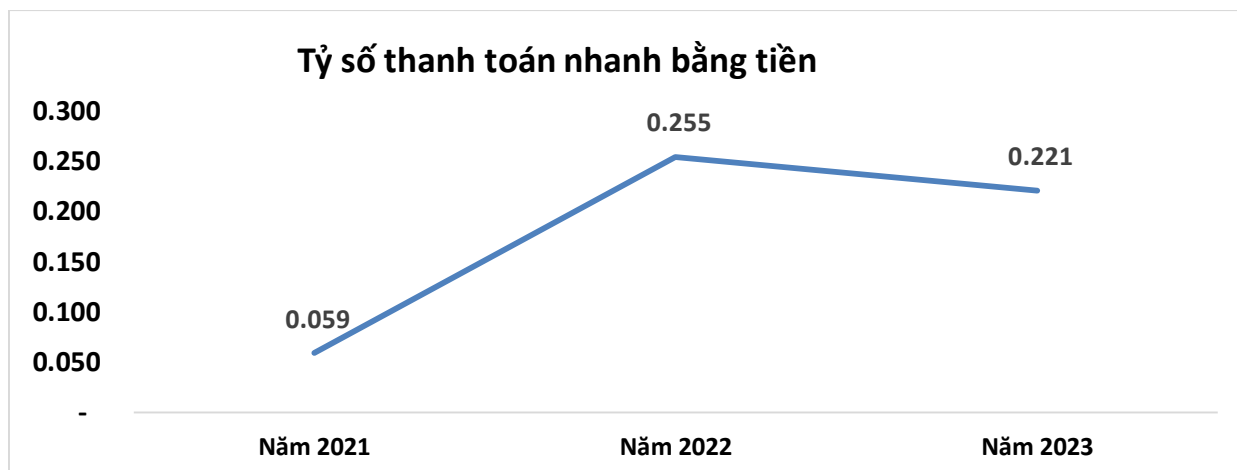
*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	289,719	1,004,078	1,005,537
2	Nợ ngắn hạn	4,892,553	3,940,034	4,556,012
3	Tỷ số thanh toán nhanh bằng tiền	0.059	0.255	0.221

*Biểu đồ: 2.8.1: Tỷ số thanh toán nhanh bằng tiền (biểu đồ cột)*



Biểu đồ: 2.8.2: Tỷ số thanh toán nhanh bằng tiền( biểu đồ đường)



Năm 2021 công ty thanh toán 0.059 đồng nợ bằng tiền và các khoản tương đương tiền, năm 2022 thanh toán được 0.255 đồng và năm 2023 thanh toán được 0.221 đồng . Tỷ số thanh toán nhanh bằng tiền của công ty rất thấp cho thấy rằng khả năng lưu trữ tiền mặt đang gặp khó khăn. Vì vậy công ty cần phải điều chỉnh lượng tiền sao cho hợp lý. Đối với bất kỳ công ty nào trên thị trường cũng vậy tài chính giúp khẳng định được vị thế tầm quan trọng của riêng.

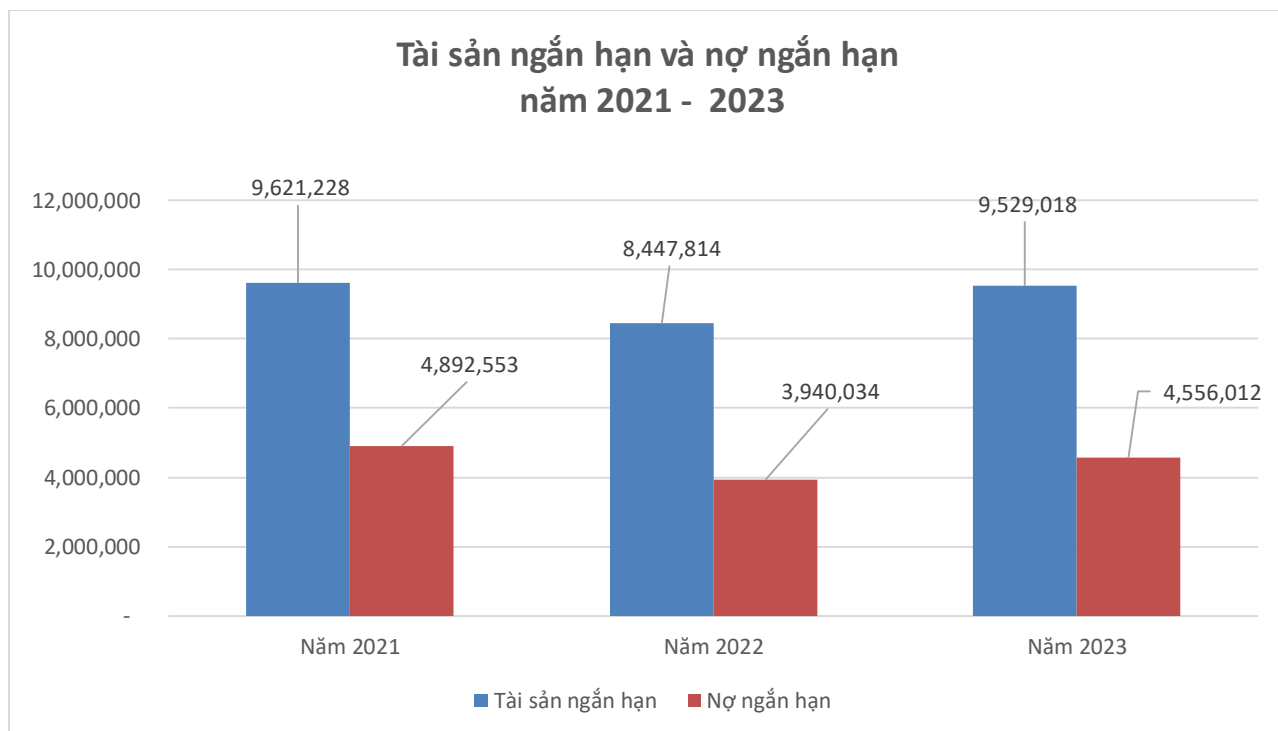
#### Khả năng thanh toán hiện thời:

Bảng 2.9: Bảng khả năng thanh toán hiện thời

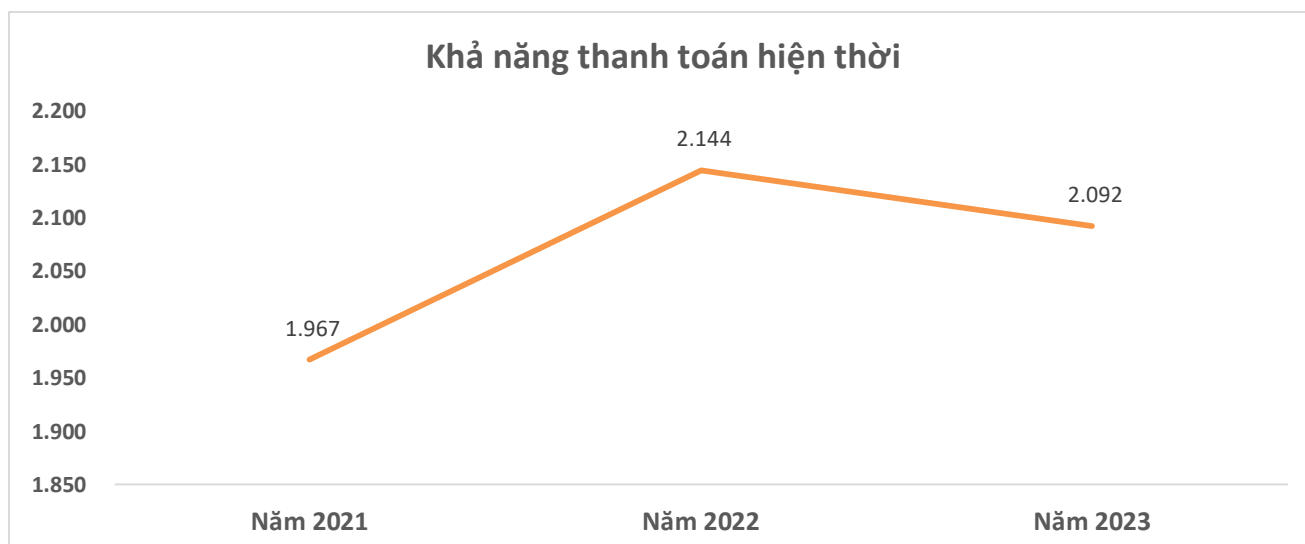
*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Tài sản ngắn hạn	9,621,228	8,447,814	9,529,018
2	Nợ ngắn hạn	4,892,553	3,940,034	4,556,012
3	Khả năng thanh toán hiện thời	1.967	2.144	2.092

Biểu đồ: 2.9.1: Khả năng thanh toán hiện thời (biểu đồ cột)



Biểu đồ: 2.9.2: Khả năng thanh toán hiện thời (biểu đồ đường)



Năm 2021 cứ 1 đồng tài sản ngắn hạn thanh toán được 1.967 đồng nợ ngắn hạn năm 2022 là 2.144 và năm 2023 là 2.092 đồng nợ ngắn hạn. Con số cho thấy giá

trị tài sản ngắn hạn của công ty lớn hơn giá trị nợ ngắn hạn hay nói cách khác giá trị tài sản ngắn hạn đảm bảo cho quá trình thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Khả năng thanh toán của 3 năm đều lớn hơn 1 thể hiện khả năng thanh toán ngắn hạn của doanh nghiệp trong tình trạng tốt. Nếu tỷ số này quá cao thì lại là một biểu hiện không tốt do việc tài sản ngắn hạn quá nhiều ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của công ty.

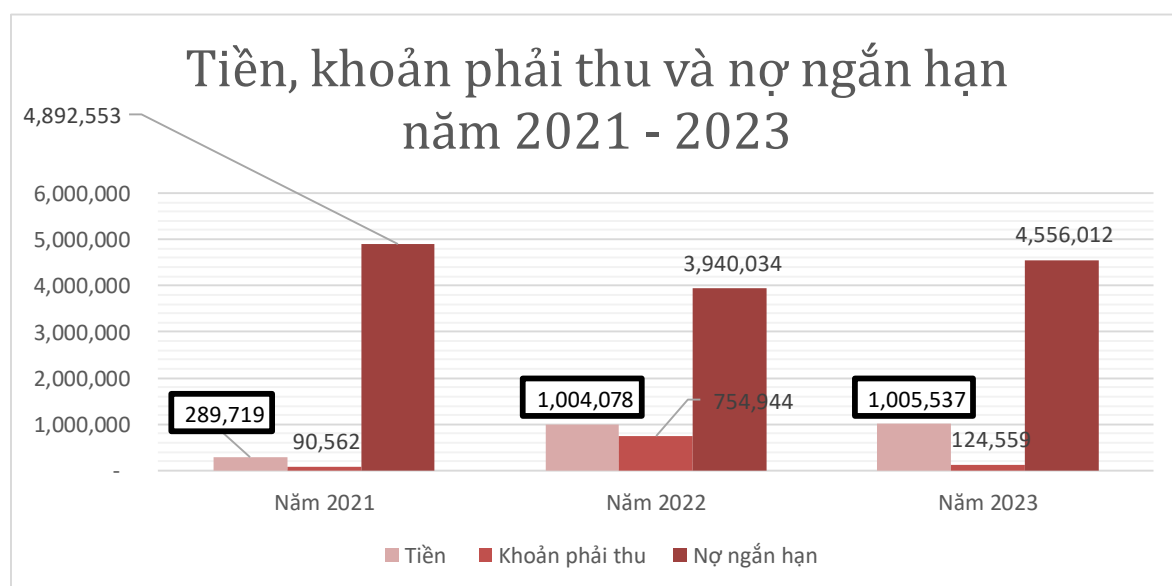
#### **Khả năng thanh toán nhanh:**

*Bảng 2.10: Bảng khả năng thanh toán nhanh.*

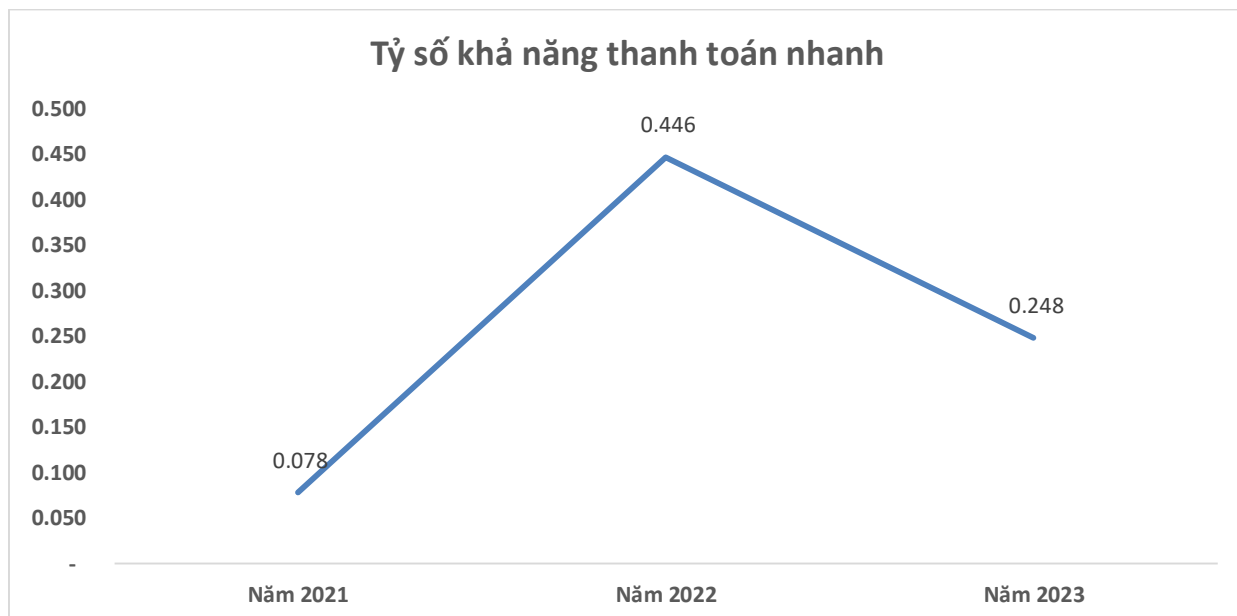
*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Tiền	289,719	1,004,078	1,005,537
2	Khoản phải thu	90,562	754,944	124,559
3	Nợ ngắn hạn	4,892,553	3,940,034	4,556,012
4	Tỷ số khả năng thanh toán nhanh	0.078	0.446	0.248

*Biểu đồ: 2.10.1: Khả năng thanh toán nhanh (biểu đồ cột)*



Biểu đồ 2.10.2: Tỷ số khả năng thanh toán nhanh (biểu đồ đường)



Tỷ số khả năng thanh toán nhanh của công ty năm 2021 và năm 2023 khá thấp cho thấy rằng hai năm này khả năng thanh toán không tốt thanh toán nợ của công ty còn gặp nhiều khó khăn. Năm 2022 thì khả năng đạt gần mức trung bình với mức 0.446 thanh toán tương đối. Nếu tỷ lệ này quá cao sẽ ảnh hưởng đến việc quay vòng vốn của công ty gây ảnh hưởng trong hiệu quả sử dụng vốn không cao.

### 2.2.3 Tình hình tài chính về doanh thu – chi phí – lợi nhuận

Bảng 2.11: Bảng phân tích doanh thu – lợi nhuận – chi phí công ty

Nguồn: BCTC của CTCP CK KIS 2021-2023 (ĐVT: Triệu đồng)

Chi tiêu  (A)	Năm 2021  1	Năm 2022  2	Năm 2023  3	Chênh lệch năm 2022/2021		Chênh lệch năm 2023/2022	
				Tuyệt đối	Tương đối	Tuyệt đối	Tương đối
<b>1. Doanh thu</b>	3,026,734	2,971,083	2,420,695	(55,651)	-2%	(550,388)	-18.52%
<i>Trong đó:</i>					0%	-	-
Doanh thu môi giới chứng khoán	464,215	377,100	381,354	(87,115)	-19%	4,254	1.13%
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh đại lý phát hành chứng khoán	22	-	-	(22)	-100%	-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	7,340	4,730	-	(2,610)	-36%	(4,730)	-100.00%
Doanh thu lưu ký chứng khoán	4,594	5,115	6,284	521	11%	1,169	22.85%
Doanh thu khác	2,095	5,542	3,047	3,447	165%	(2,495)	-45.02%
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-	-	-	0%	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	3,026,734	2,971,083	2,420,695	(55,651)	-2%	(550,388)	-18.52%

4. Chi phí hoạt động kinh doanh	2,190,593	2,434,456	1,653,504	243,863	11%	(780,952)	-32.08%
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	836,141	536,627	767,191	(299,514)	-36%	230,564	42.97%
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	121,445	179,915	184,388	58,470	48%	4,473	2.49%
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	714,696	356,712	582,803	(357,984)	-50%	226,091	63.38%
8. Thu nhập khác	1	310	157	309	30900%	(153)	-49.35%
9. Chi phí khác	0.217	367	443	367	169024%	76	20.71%
10. Lợi nhuận khác	0.783	(57)	(286)	(58)	-7380%	(229)	401.75%
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	709,693	185,019	580,919	(524,674)	-74%	395,900	213.98%
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	163,970	49,576	98,411	(114,394)	-70%	48,835	98.51%
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2,011)	(13,656)	16	(11,645)	579%	13,672	-100.12%
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	547,734	149,099	465,659	(398,635)	-73%	316,560	212.32%
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/CP)	1,692	396	1,238	(1,296)	-77%	842	212.63%

## Về doanh thu:

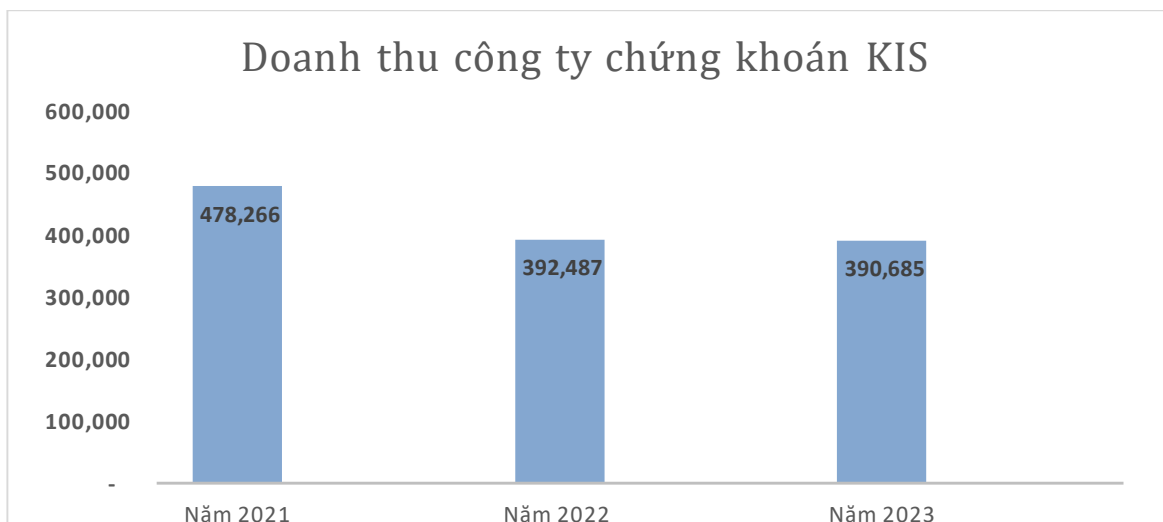
Bảng 2.12: Doanh thu của công ty qua các năm 2021 -2023

Nguồn: BCTC của CTCP CK KIS 2021-2023 (ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %
1. Doanh thu	478,266		392,487		390,685	
Doanh thu môi giới chứng khoán	464,215	97.06%	377,100	96.08%	381,354	97.61%
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh đại lý phát hành chứng khoán	22	0.0046%	-	0.00%	-	0.00%
Doanh thu hoạt động tư vấn	7,340	1.53%	4,730	1.21%	-	0.00%
Doanh thu lưu ký chứng khoán	4,594	0.96%	5,115	1.30%	6,284	1.61%
Doanh thu khác	2,095	0.44%	5,542	1.41%	3,047	0.78%

Biểu đồ: 2.12.1: Doanh thu

Nguồn: BCTC của công ty chứng khoán KIS



Dựa vào bảng và biểu đồ ta có thể thấy doanh thu từ các hoạt động kinh doanh của công ty có sự giảm dần qua các năm từ năm 2021 là 478,266 triệu đồng đến năm 2023 là 390,685 triệu đồng. Qua đây có thể xem cụ thể hơn về sự suy giảm doanh thu của công ty cổ phần chứng khoán KIS trong 3 năm 2021 – 2023.

Doanh thu chính của công ty đến từ nguồn doanh thu môi giới chứng khoán và doanh thu lưu ký chứng khoán và doanh thu khác đem về nguồn doanh thu cao nhất cho công ty.

Doanh thu môi giới chứng khoán qua 3 năm giảm từ dần từ năm 2021 với 464,215 triệu đồng đến năm 2023 còn 381,354 triệu đồng sự chênh lệch giữa năm 2022 so với năm 2021 là (-18,77%) giảm 87,115 triệu đồng nhưng cho đến năm 2023 thì doanh thu giảm ít hơn so với năm 2022 trước đó và trong đó doanh thu môi giới qua các năm chiếm trên 96.08 % so với tổng doanh thu, qua đó thấy mô hình công ty đang hướng đến môi giới chứng khoán mà công ty đã nhận ra rằng mục tiêu mà đem về doanh thu cao giúp công ty ổn định phát triển hơn. Khi mà công ty hướng đến phát triển tốt một lĩnh vực nào phát triển mạnh mẽ thì các lĩnh vực sẽ giảm ít được chú trọng hơn lượng giao dịch ít hơn mang về doanh thu ít hơn kèm theo tỷ trọng không cao.

Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh đại lý phát hành chứng khoán vào năm 2021 đem về doanh thu 22 triệu đồng đạt 0.0046 % so với tổng doanh thu, nhưng đến năm 2022 và năm 2023 không có doanh thu về mảng này cho thấy công ty không muốn phát triển nhiều về lĩnh vực bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán nhằm tối ưu hóa lĩnh vực này đi tập trung nhiều vào lĩnh vực khác.

Ta thấy doanh thu hoạt động tư vấn của công ty giảm dần từ năm 2021 đạt 7,340 triệu đồng chiếm 1,53% so với tổng doanh thu, đến năm 2022 chỉ còn 4,730 triệu đồng và 1,21% doanh thu nhưng đến năm 2023 không có giá trị doanh thu trong hoạt động tư vấn.

Doanh thu lưu ký chứng khoán có xu hướng tăng từ năm 2021 đến năm 2023 tăng về tuyệt đối và tương đối. Năm 2022 tăng 11% và đạt 521 triệu đồng so với năm 2021 trước đó và chiếm 1,30% so với tổng doanh thu trong khi trước đó năm 2021 chỉ chiếm 0.96% . Năm 2023 doanh thu lưu ký chứng khoán tiếp tục tăng 22.85% đạt 1,169 triệu đồng và chiếm tỷ trọng (1.61%) so với tổng doanh thu cùng kỳ năm ngoái. Doanh thu lưu ký chứng khoán tăng nói lên khối lượng giao dịch chứng khoán tăng, có nhiều khách hàng tham gia vào thị trường hơn dẫn đến khối lượng mua bán cổ phiếu nhiều, sự phát triển của công ty chứng khoán hơn nhiều sự đổi mới hay giá trị tài sản

của nhà đầu tư trong nước hay nước ngoài năm giữ tăng lên thì doanh thu lưu ký tăng ( dựa vào phần trăm giá trị của tài sản thì tăng theo). Từ đó doanh thu sẽ nhận được một khoản phí lưu ký từ khách hàng.

Doanh thu khác chiếm một phần trong doanh thu của công ty, năm 2022 doanh thu tăng 165% đạt 3,447 triệu đồng so với năm 2021. Năm 2021 doanh thu chỉ chiếm 0.44% nhưng đến năm 2022 doanh thu chiếm 1.41% qua đó thấy được năm 2021 đến năm 2022 doanh thu tăng vượt bậc nhờ nhiều nguồn doanh thu khác. Năm 2023 thì doanh thu giảm mạnh so với năm 2022 trước đó giảm (-45.02%) với (2,495) triệu đồng.

Phân tích chi phí:

Năm 2021 đến năm 2022 tổng chi phí hoạt động kinh doanh công ty tăng đột biến để hiểu rõ hơn thì năm 2021 chi phí hoạt động kinh doanh là 2,190,593 triệu đồng sang năm 2022 thì chi phí tăng lên 2,434,456 triệu đồng cho thấy sự chênh lệch giữa năm 2022 so với năm 2021 là 11%. Đến năm 2023 chi phí hoạt động kinh doanh giảm còn 1,653,504 triệu đồng tương ứng mức giảm 32.08% so với năm 2022. Nguyên nhân chính dẫn đến tổng chi phí năm 2023 giảm mạnh có thể do một phần nào đó đến từ khối lượng giao dịch khách hàng giảm dẫn đến doanh thu hoặc các chi phí hoạt động kinh doanh cũng giảm và chi tiết nhất sau đây:

Trong năm 2021 chi phí môi giới chứng khoán chiếm đến 14.2 % tỷ trọng với 310,645 triệu đồng chiếm nhiều nhất trong các chi phí hoạt động kinh doanh. Chi phí môi giới năm 2022 tỷ trọng 10.89% 265,122 triệu đồng qua năm 2023 thì thị trường không quá nhiều biến động vì vậy mà chi phí biến động không quá lớn tỷ trọng 16% với 264,520 triệu đồng. Nguyên nhân dẫn đến các chi phí môi giới tăng liên tiếp trong 3 năm gần đây có thể khách hàng giao dịch tăng lên, các chi phí vận hành tăng ( chi phí về tiền lương, chi phí công nghệ,...) , tác động từ quy định pháp lý và yêu cầu các bên lĩnh vực môi giới đầu tư nhiều hơn và tuân thủ pháp lý quy định từ đó làm tăng chi phí hoạt động dẫn đến tăng chi phí môi giới.

Chi phí lãi vay chứng khoán giảm năm 2021 với 30,696,025,599 đồng 1.4% so với với tổng chi phí hoạt động qua năm 2023 thì giảm còn khá thấp xuống còn 5,025,880,931 đồng chỉ chiếm 0.3% so với chi phí. Để hiểu hơn việc chi phí lãi vay giảm trong 3 năm gần đây do tăng lợi nhuận công ty lên, chi phí tài chính thấp hơn giảm lãi suất cho vay hay giảm phí dịch vụ và thu hút nhiều khách hàng gia tăng thị phần công ty phát triển, giảm thiểu tối đa rủi ro tài chính công ty sẽ không còn phụ thuộc vào nợ vay quá nhiều giảm rủi ro khi có biến động lãi suất từ các yếu tố đó góp phần ổn định hoạt động kinh doanh.

Một số chi phí khác như chi phí hoạt động tư vấn và đầu tư, chi phí lưu ký chứng khoán, chi phí tự doanh cũng chiếm một khoảng vừa phải làm giảm doanh thu của công ty nhưng chiếm mức không quá đáng kể.

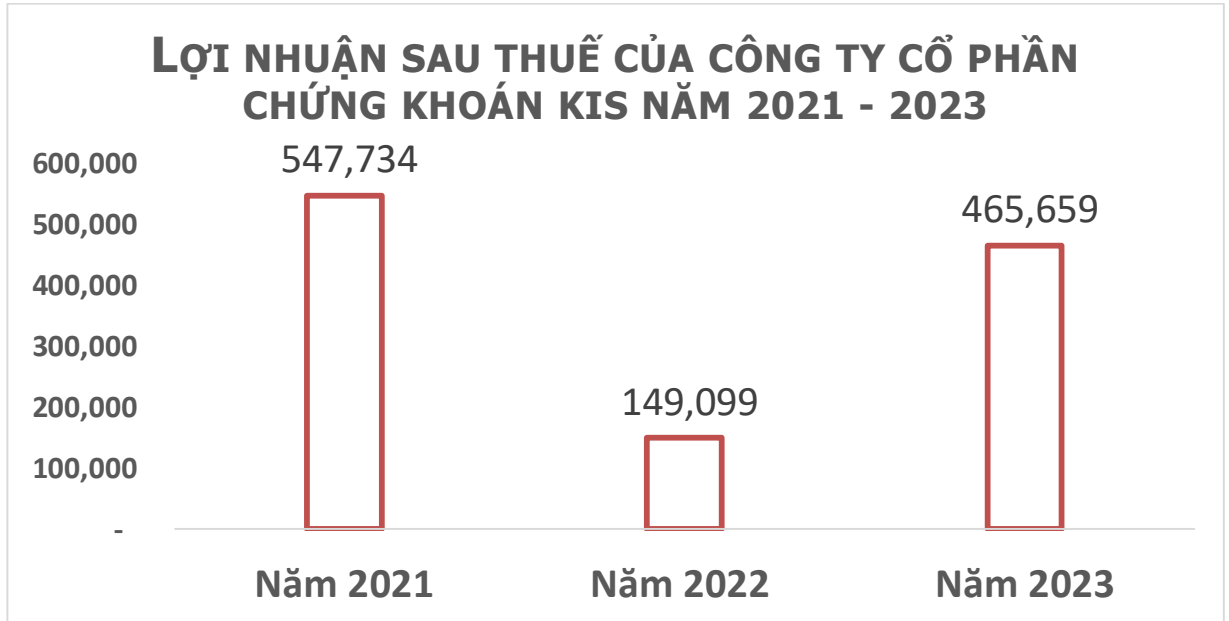
*Bảng 2.13: Bảng chi phí hoạt động kinh doanh của công ty.*

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí hoạt động tự doanh	107,901	4.9%	7,571	0.31%	7,820	0.47%
Chi phí môi giới chứng khoán	310,645	14.2%	265,122	10.89%	264,520	16.00%
Chi phí lưu ký chứng khoán	5,029	0.2%	5,772	0.24%	7,453	0.45%
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	3,961	0.2%	8,074,354	331.67%	2,221	0.13%
Chi phí lãi vay	30,696	1.4%	26,984	1.11%	5,025	0.30%
Tổng	2,190,593		2,434,456		1,653,504	

Phân tích lợi nhuận:

Biểu đồ 2.12.2: Lợi nhuận sau thuế của CTCP CK KIS

Nguồn: BCTC của công ty năm 2021 - 2023



Lợi nhuận sau thuế năm 2021 là 547,734 triệu đồng, năm 2022 là 149,099 triệu đồng giảm 73% so với năm 2021. Trong năm 2021 thì khi doanh thu đạt được mức 478,267 triệu đồng thì tổng chi phí hoạt động kinh doanh là 2,190,593 triệu đồng chi phí quản lý doanh nghiệp là 121,445 triệu đồng. Trong đó có nguồn từ lợi nhuận khác năm 2021 cũng tăng nhẹ cho nên làm tăng lợi nhuận sau thuế của công ty tăng. Đến năm 2022 lợi nhuận sau thuế giảm mạnh xuống 149,099 triệu đồng giảm 73 % so với năm 2021 giảm (398,635) đồng, các chi phí quản lý hay chi phí khác, chi phí hoạt động kinh doanh tăng mạnh dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm các nguồn lợi nhuận khác giảm (57 triệu đồng). Năm 2023 lợi nhuận sau thuế tăng vượt bậc 212.31% so với năm 2022 với 316,560 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế công ty năm 2023 tăng đến 465,659 triệu đồng. Với lợi nhuận sau thuế thì chỉ có năm 2022 thấp nhất và cho đến năm 2023 công ty đang ổn định và phát triển bền vững, lợi nhuận cao công ty xây dựng thêm các quỹ dự phòng đảm bảo trước biến động của thị trường và phát triển trong thời gian dài hạn. Lợi nhuận cao công ty thu hút nhiều vốn đầu tư và có thể huy động vốn chi phí thấp hơn và đầu tư vào các dự án mở rộng quy mô sản xuất hoạt động kinh doanh thúc đẩy sự phát triển bền vững lâu dài.

Qua phân tích bảng trên thấy được công ty cổ phần chứng khoán KIS đang hoạt động kinh doanh hiệu quả phát triển bền vững ổn định.

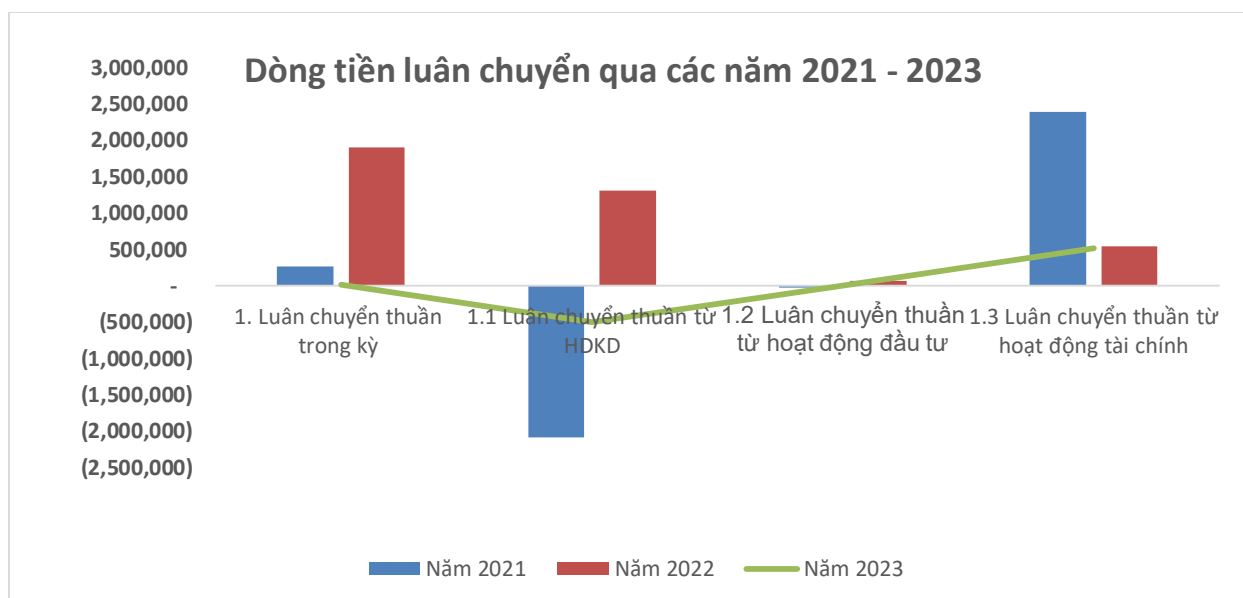
**Về dòng tiền qua 3 năm công ty chứng khoán KIS:**

*Bảng 2.14: Dòng tiền luân chuyển trong năm 2021 - 2023*

Năm	2021	2022	2023
<b>1. Luân chuyển thuần trong kỳ</b>	257,949	1,895,566	1,460
1.1 Luân chuyển thuần từ HDKD	(2,098,115)	1,304,962	(509,441)
1.2 Luân chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	(34,049)	57,944	(4,279)
1.3 Luân chuyển thuần từ hoạt động tài chính	2,390,113	532,660	515,180

*Biểu đồ: 2.14.1: Dòng tiền thuần của CTCP CK KIS*

*Nguồn: BCTC của công ty năm 2021 -2023*



Về dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh thì năm 2021 và năm 2023 là âm điều này nói lên doanh nghiệp sử dụng tiền nhiều hơn số tiền làm ra từ hoạt động kinh doanh hay những năm này doanh nghiệp đang mở rộng hoạt động và đầu tư lớn vào tăng trưởng, tuy nhiên dòng tiền âm từ năm 2021 thì đến năm 2023 có sự giảm dần điều này giúp cho công ty ổn định dần hơn.

Dòng tiền hoạt động đầu tư năm 2022 tăng mạnh với 57,944 triệu đồng so với 2 năm 2021 và năm 2023 cho thấy công ty bán tài sản hay các khoản đầu tư, chiến lược tái cấu trúc hiệu quả. Còn về dòng tiền âm năm 2021 và năm 2023 cho thấy công

ty đang đầu tư cho tương lai nhiều hơn.

Dòng tiền tài chính qua 3 năm từ năm 2021 đến năm 2023 có sự giảm dần công ty đang cần thêm nhiều nguồn vốn mở rộng kinh doanh hoặc đối phó với khó khăn tài chính hiện tại.

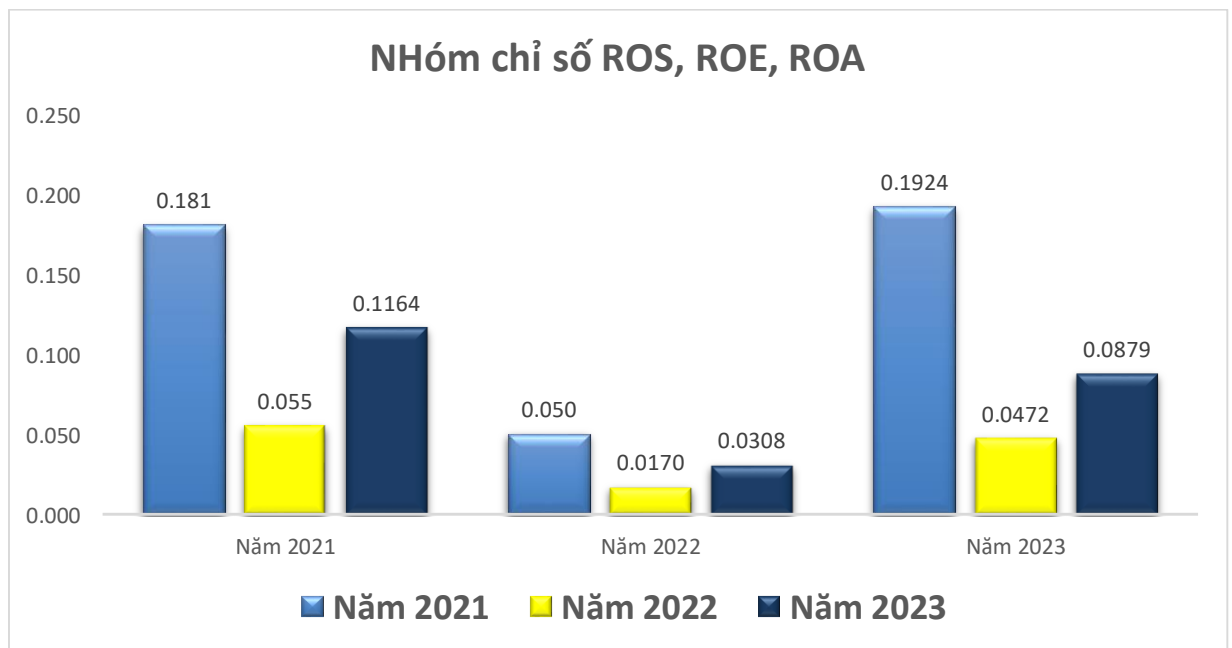
#### 2.2.4 Các chỉ số ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty

*Bảng 2.15 : Các chỉ số tài chính của công ty chứng khoán KIS*

*Nguồn: BCTC của CTCP CK KIS 2021-2023 (ĐVT: Triệu đồng)*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Chênh lệch 2022/2021	Chênh lệch 2023/2022
1	Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS)	0.181	0.050	0.1924	(0.72)	2.83
2	Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA)	0.055	0.0170	0.0472	(0.69)	1.78
3	Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)	0.1164	0.0308	0.0879	(0.74)	1.85

*Biểu đồ 2.15: Các nhóm chỉ số ROS, ROA, ROE*



### **Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS)**

Tỷ số ROS này phản ánh nói lên mối quan hệ giữa lợi nhuận sau thuế và doanh thu thuần cho biết rằng 100 đồng doanh thu sẽ mang lại bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế cho công ty. Chỉ số ROS của công ty 3 năm liên tiếp từ năm 2021 đến năm 2023 là đều dương, năm 2021 ROS đạt được 0.181 % có nghĩa khi 100 đồng doanh thu sẽ thu lại lợi nhuận được thặng dư 0.181 đồng VCSH. Năm 2022 chỉ tiêu này giảm 0.72% so với năm 2021. Đến năm 2023 chỉ tiêu này tăng ngược trở lại 2.83% so với năm 2022 và 100 doanh thu đã làm thặng dư 2.83 đồng VCSH của công ty. Tỷ số này năm 2023 cao nhất so với các năm trước đó chứng tỏ cho thấy công ty hoạt động hiệu quả quản lý tốt chi phí, làm tăng giá trị mức độ uy tín của công ty thể hiện được mức độ khả năng sinh lời tốt và quản lý tài chính hiệu quả.

### **Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA)**

Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản trong 3 năm gần đây có sự biến động tăng giảm nhẹ cụ thể năm 2021 là 0.055 % hay 100 đồng tài sản bỏ ra để đầu tư thì công ty thặng dư được 0.055% VCSH. Năm 2022 thì giảm 0.69% so với năm 2021 qua năm 2023 tỷ số này tăng trở lại 1.78%.

Qua đó thấy được ROA đang dương cho thấy được sự đầu tư của công ty đem lại giá trị thặng dư và đảm bảo an toàn vốn kinh doanh dẫn đến khả năng quản lý tình hình tài chính doanh thu ổn định và phát triển lâu dài bền vững.

Khi chỉ số ROA tăng giúp cho công ty có cơ sở tài chính mạnh mẽ hơn giảm nguy cơ phá sản và tăng khả năng vay vốn với lãi suất ưu đãi hơn.

### **Tỷ suất trên vốn chủ sở hữu (ROE)**

Tỷ suất trên VCSH phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Năm 2021 ROE là 0.1164 %, Cứ 100 đồng VCSH thì doanh nghiệp làm thặng dư 0.1164 đồng lợi nhuận sau thuế. Năm 2022 giảm 0.74% so với năm 2021. Qua năm 2023 ROE đạt 0.0879% ( tăng 1.85% so với năm 2022). Tỷ số ROE của công ty cao thấy được đang sử dụng vốn chủ sở hữu để tạo ra lợi nhuận hơn từ mỗi đồng vốn chủ sở hữu cải thiện tình hình tài chính và khả năng tái đầu tư vào các dự án sinh lời cao hơn. Khi ROE cao tránh những biến động trên thị trường cải tiến các dịch vụ mở rộng thị trường nâng cao khả năng cạnh tranh trong ngành chứng khoán.

## **2.3 Đánh giá tài chính công ty chứng khoán**

### **2.3.1 Kết quả đạt được**

Qua phân tích báo cáo tình hình tài chính hoạt động của công ty cổ phần chứng khoán KIS đã đạt được một số kỳ vọng trong các năm gần đây và rõ nhất là năm 2023 gần đây nhất:

Nguồn tài sản của công ty tăng đều qua các năm và năm 2023 thì tài sản ngắn hạn là chiếm phần lớn ảnh hưởng đến tài sản công ty tăng, các khoản phải thu năm 2023 đã ít dần đi không còn cho vay ngắn hạn cho các công ty tài chính hay các khách hàng đối tác, các quỹ đầu tư,.. Công ty đang chú trọng đầu tư nhiều vào lĩnh vực các tài sản ngắn hạn nhiều hơn nhằm đem về hiệu quả doanh thu cho công ty. Đầu tư tài chính về cơ sở vật chất thiết bị máy móc, quỹ ETF, chứng khoán phái sinh và từ những quyết định đầu tư làm cho nguồn vốn năm 2023 tăng lên tận 12%.

Về hệ số nợ nói chung đang giảm dần, hệ số nợ tài sản ngắn hạn trong 3 năm gần đây đều nhỏ hơn 1 hay hệ số nợ ngắn hạn ở dưới mức 60% điều này nói lên tình hình tài chính và mức độ quản lý rủi ro của công ty này là tốt.

Trong năm 2023 doanh thu của công ty giảm nhẹ so với năm 2022 có thể một phần nào đó do đang đầu tư về lĩnh vực tài sản nên thời gian đầu chưa đem về nhiều doanh thu. Chú ý nhất đối với công ty chứng khoán KIS thì doanh thu môi giới và doanh thu từ lưu ký chứng khoán chiếm tỷ trọng nhiều nhất luôn tăng qua các năm từ năm 2021 đến năm 2023 có thể công ty đang hướng đến phát triển đẩy mạnh về lĩnh vực này nhiều hơn thế nữa trong các năm tới.

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 cũng tăng lên cho thấy công ty đang kinh doanh tốt và đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ chi trả bao gồm trả nợ, đầu tư vào các dự án mới. Lợi nhuận ổn định và tăng trưởng qua các năm giúp có thêm nhiều khách hàng tiềm đến thu hút nhiều nhà đầu tư cá nhân hay doanh nghiệp để ý đến.

Từ những kết quả đạt được trong 3 năm đã giúp công ty tạo thêm mở rộng hơn nhiều mối quan hệ rộng rãi có uy tín trên thị trường. Công ty đã dần khẳng định vị thế trên thị trường trong nước. Điều này giúp công ty thuận lợi hơn trong việc huy động vốn để nâng cao hiệu quả kinh doanh cho công ty.

### **2.3.2 Những hạn chế tồn tại**

Tình trạng nhu cầu về vốn để đáp ứng cho các hoạt động kinh doanh của công ty rất tốt đảm bảo được vốn trong hiện tại. Nguồn vốn công ty tăng 2021 đến năm 2023, tỷ trọng nợ ngắn hạn giảm dần với năm 2022 nhưng đến 2023 tăng ngược trở lại về vốn chủ sở hữu có tăng trở lại nhưng không đáng kể so với mức năm 2021 điều này cho thấy công ty còn phụ vào các khoản nợ cao.

Về khả năng thanh toán của công ty, khả năng thanh toán nhanh, khả năng thanh toán bằng tiền con ở mức thấp nên xem xét lại cho hợp lý hơn.

Các khoản nợ phải trả của công ty năm 2023 tăng mạnh có thể mở rộng kinh doanh tăng chi phí vận hành.

Theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thì các tỷ số về khả năng sinh lời của công ty năm 2022 giảm so với năm 2021, năm 2023 tăng trở lại nhưng không đáng kể.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Tổng kết chương 2 giới thiệu sơ lược về công ty cổ phần chứng khoán KIS về các lĩnh vực hay các giải thưởng và sơ đồ tổ chức của công ty, phân tích các chỉ số trong báo cáo tài chính như các khoản phải thu, các khoản phải trả, doanh thu, lượng tiền mặt, các khoản chi phí của công ty thể hiện được năng lực tài chính của công ty trong những năm gần đây cho thấy tình hình hoạt động là tốt hay xấu.

## CHƯƠNG 3

# GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

### 3.1 Đẩy mạnh công tác marketing nghiên cứu thị trường chứng khoán 4.0

Trong bối cảnh hiện nay nếu muốn phát triển doanh nghiệp mạnh mẽ trên thị trường kinh tế Việt Nam đặc biệt đối với TTCK sôi động và đầy sự hấp dẫn được quan tâm rất nhiều với nhu cầu hiện nay của cá nhân hay tổ chức trong nước và nước ngoài thì cần sự mở rộng các chương trình ưu đãi nghiên cứu thị trường chứng khoán để hướng đến cho tất cả mọi người một cách tiếp cận nhanh nhất. Sau đây sẽ là một số giải pháp nhằm đưa ra xu hướng giải quyết phát triển doanh nghiệp vững mạnh hơn và nhằm tăng thị phần đứng vào top tốt nhất công ty chứng khoán ở Việt Nam:

*Đầu tiên*, gia tăng việc mở tài khoản chứng khoán Online: Với việc công nghệ phát triển hiện đại 4.0 như hiện nay hầu như tất cả mọi người ai cũng sử dụng điện thoại thông minh thì bên công ty chứng khoán KIS mở ra các chương trình mở tài khoản nhận quà cụ thể như “ Khách hàng mở tài khoản chứng khoán trong vòng 3 phút nhận ngay 50k và có cơ hội quay trúng thưởng cổ phiếu bất ngờ”. Đề cập việc mở tài khoản qua hướng dẫn từ anh chị nhân viên chứng khoán đến các buổi hội thảo về TTCK ở các trường đại học lân cận khu vực Tp.Hồ Chí Minh. Khi mở tài khoản sẽ được nhận phần quà thưởng có giá trị. Qua đó đem lại cho các bạn sinh viên hiểu rõ hơn về chứng khoán và khả năng đầu tư trong tương lai tiếp cận với lĩnh vực chứng khoán nhanh hơn có thể là khách hàng đầu tư tiềm năng. Việc mở tài khoản chứng khoán Online rất nhanh và hiệu quả, chỉ cần dùng CCCD và định danh ekyc là có thể hoàn thành hợp đồng nhanh chóng đầu tư dễ dàng. Chúng ta có thể thấy với mức độ công nghệ tiên tiến việc mở tài khoản cũng trở nên nhanh và an toàn nhiều trong việc kiểm soát đảm bảo an toàn thông tin cho nhà đầu tư. Với số lượng mở tài khoản gia tăng liên tục sẽ đem lại khả năng huy động vốn từ các nhà đầu tư, tăng doanh thu đến từ việc các khoản phí duy trì tài khoản hay phí tin nhắn hay phí tư vấn đầu tư, mở rộng được thị phần và củng cố vị thế trên thị trường chứng khoán Việt Nam, tăng niềm tin và độ tin cậy đến từ khách hàng từ đó nâng cao được uy tín và hình ảnh công ty chứng khoán nổi bật hơn.

*Thứ hai*, công ty đã tạo điều kiện mở ra cuộc thi “Đầu tư chứng khoán ảo năm 2024” chương trình này được sáng lập ra dành cho các nhà đầu tư mới muốn tham gia vào TTCK và những khuyến khích các tài khoản mới mở có chương trình tiếp xúc với môi trường đầu tư chứng khoán trước khi tham gia chính thức vào đầu tư thật trên app IKIS. Chiến lược này đưa khách hàng đến công ty có thể hiểu rõ về cách dùng app và các thao tác đặt lệnh mua bán, một số loại lệnh thông thường từ đó sau này có thể dễ dàng sử dụng hơn.

*Thứ ba*, công ty chứng khoán kết hợp với lại các kênh báo chí truyền thông đẩy mạnh công tác truyền bá các baner trên thông tin mạng thực hiện các chương trình giới thiệu trên tik tok youtube, facebook... để có thể tiếp cận nhiều khách hàng hơn, tăng cường nền tảng khách hàng mới nhằm mục đích quảng bá công ty giúp khách hàng biết đến công ty chứng khoán KIS nhiều hơn trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Chú trọng xây dựng trang web công ty với sự độc đáo mới mẻ thu hút được khách hàng với sự cập nhật tin tức nhanh chóng, dễ nhìn và dễ sử dụng. Mở rộng thêm các chi nhánh khu vực Tỉnh Thành phố, đây là chiến lược tìm kiếm thêm được lượng lớn khách hàng đến với công ty hơn.

*Thứ tư*, đầu tư nâng cao trong quá trình áp dụng công nghệ để nâng cao chất lượng dịch vụ sản phẩm: Trong quá trình tập trung phát triển một hay sản phẩm dịch vụ thì cũng xuất hiện nhiều lỗ hổng nên chúng ta chú ý đến các vấn đề bảo mật an toàn thông tin phòng ngừa rủi ro. Tăng cường nâng cấp và phát triển hệ thống server, đường truyền tạo sự ổn định lâu dài. Giải quyết tình trạng lỗi hệ thống giao dịch, lỗi server đặt lệnh online như hiện nay. Bảo mật thông tin khách hàng hàng là trách nhiệm hàng đầu mà mỗi doanh nghiệp cần phải biết bởi vì công nghệ không ngừng phát triển và thay đổi liên tục trong tương lai, để mà kinh doanh trong môi trường hiện đại như hiện nay thì không cách nào biết hết rủi ro sẽ diễn ra khi nào thì việc đánh cắp thông tin hay tiền trên không gian mạng,.. cũng thường xuyên xảy ra vì thế công ty chứng khoán KIS chú trọng đến việc xây dựng các chiến lược công nghệ an toàn hiện đại nhất, giúp cho khách hàng an tâm tuyệt đối khi sử dụng app IKIS tạo cho khách hàng thoải mái giao dịch đầu tư. Công ty chứng khoán kết hợp với các ngân hàng thương mại trong việc đảm bảo tiền trong tài khoản chứng khoán cũng sẽ hưởng được một phần lãi suất tương tự như khi gửi tiền đến ngân hàng.

### **3.2 Giải pháp phát triển các dịch vụ cung ứng cho khách hàng như chứng chỉ quỹ và dịch vụ vay margin, ứng trước tiền bán, phí hay các dịch vụ khác.**

Quy mô thị trường hiện nay đang trong quá trình phát triển mạnh mẽ thể hiện nhu cầu đầu tư đa dạng đến từ khách hàng từ đó cũng suất hiện thêm các quỹ nhiều hơn có thêm nhiều sự lựa chọn cho nhà đầu tư, xuất hiện sự cạnh tranh giữa các quỹ dẫn đến có hướng giải pháp cải thiện chất lượng dịch vụ sản phẩm. Công ty chứng khoán KIS nên chú trọng phát triển các dịch vụ đặc biệt trong đó có các sản phẩm như chứng chỉ quỹ, quỹ đầu tư chứng khoán phù hợp để thúc đẩy phát triển trên TTCK hướng tới các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức trong nước và nước ngoài. Công ty mở rộng và đa dạng hóa sản phẩm các loại chứng chỉ quỹ như:

- Quỹ mở: Quỹ mở cho phép nhà đầu tư mua bán liên tục tạo ra tính thanh khoản cao
- Quỹ đóng: Quỹ đóng có số lượng chứng chỉ quỹ cố định và được giao dịch trên sàn chứng khoán mang lại cho cơ hội đầu tư dài hạn
- Quỹ ETF: Quỹ này bao gồm cả quỹ đóng và quỹ mở cung cấp tính thanh khoản và đa dạng hóa danh mục đầu tư.
- Quỹ hưu trí và quỹ thành viên:

Qua các quỹ trên thì công ty đề ra các giải pháp cải thiện cung cấp thêm nhiều sản phẩm dịch vụ cho khách hàng, cập nhật trên trang web của công ty về tin tức các hoạt động của quỹ nhanh chóng, các danh mục đầu tư hiện đại, hỗ trợ khách hàng tư vấn và hiểu rõ các sản phẩm quỹ lựa chọn mục tiêu trong việc mua bán chứng chỉ quỹ.

Công ty chứng KIS đẩy mạnh ứng dụng sử dụng công nghệ như: Phát triển các nền tảng giao dịch trực tuyến, sử dụng các hệ thống công nghệ AI 4.0 phân tích đưa ra các thông tin thông minh hữu ích.

Giảm chi phí trong quá trình trong quá trình giao dịch và tạo nhiều chương trình khuyến mãi ưu đãi dành cho khách hàng như là miễn phí giao dịch trong thời gian ngắn thu hút nhà đầu tư đến với công ty chứng khoán KIS hay miễn phí dịch vụ quản lý dành cho các tài khoản mở mới từ đầu năm 2024.

Mở ra các sự kiện hội thảo hay các buổi livestream trực tuyến nói về các sản phẩm quỹ chia sẻ thêm về các quỹ hướng dẫn để nâng cao kiến thức tài chính cho các

nhà đầu tư. Liên kết các tổ chức tài chính, hợp tác với các ngân hàng hay các công ty bảo hiểm từ đó mở rộng ra mạng lưới về sản phẩm chứng chỉ quỹ nhiều hơn.

Cải thiện dịch vụ vay margin dành cho khách hàng với lãi suất trên năm thấp có nhiều gói hỗ trợ ưu đãi, hiện tại thì lãi margin của công ty chứng khoán KIS là 10.4%/năm một trong những lãi vay khá thấp so với các công ty chứng khoán trên thị trường hiện nay. Dịch vụ ứng tiền trước bán của công ty với lãi chỉ 0.0289%/ ngày giúp cho nhà đầu tư linh hoạt ứng xử linh hoạt được dòng tiền trong đầu tư.

### **3.3 Đào tạo nhân lực cho công ty chứng khoán KIS**

Công ty cần chủ trương ra các chính sách phát triển nhân lực trong tương lai. Để tạo ra một nhân lực tốt đầy đủ kiến thức chuyên môn sâu cho công ty đòi hỏi công ty luôn quan tâm đến quá trình chất lượng nhân lực liên tục. Công ty luôn tạo điều kiện cho toàn thể cán bộ nhân viên tham gia các khóa học phát triển kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm, các chứng chỉ hành nghề chứng khoán đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của công việc.

Thời đại hiện nay luôn được thay đổi đổi mới liên tục vì thế các công ty luôn thay đổi bổ sung nhiều hơn các kỹ năng cho nhân viên công ty mình thích ứng được với xu thế hiện tại, thái độ, kiến thức và các kỹ năng của doanh nghiệp sẽ yếu tố quyết định lên chất lượng sản phẩm dịch vụ cho chính công ty. Công ty chứng khoán KIS mở ra các đợt tuyển dụng nhân tài về cho công ty những người tài giỏi đúng với chuyên môn quy định trong nghề chứng khoán. Từ đó khai thác được hết tiềm năng, thế mạnh của mỗi người, hỗ trợ giúp nhau cùng nhau tiến bộ phát huy thế mạnh. Qua những đợt tuyển dụng như thế này đánh giá được chất lượng và đem lại công tác phát triển cho Công ty cổ phần chứng khoán KIS sẽ được nâng cao.

Công ty nên có quy trình tuyển dụng nhân sự đầu vào sẽ có nguồn vào chất lượng hơn nhất là qua hình thức thi tuyển, vì đây là hình thức thi nên đòi hỏi cần phải có kiến thức chuyên môn nó mang lại hiệu quả cao từ đó sẽ tuyển dụng đúng người đúng việc có chuyên môn cao mà công ty cần mong muốn.

Công ty cần sắp xếp bố trí những cán bộ nhân viên giỏi đủ năng lực công tác và sau đó đào tạo lại chia sẻ về các kiến thức hay có những buổi talk show cùng nhau lên ý tưởng phát huy đi lên. Công ty sẵn sàng nâng cao trang bị các thiết bị máy móc hiện đại đổi mới công nghệ nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

Công ty tạo lập một phòng nhân sự dày dặn kinh nghiệm giỏi chuyên môn cao quản lý theo dõi các Net lớn của khách hàng có giá trị hàng tỷ đồng, thường xuyên định giá các công ty doanh nghiệp tốt cho khách hàng.

### **3.4 Kiến nghị**

#### **3.4.1 Đối với ủy ban chứng khoán nhà nước**

Hoàn thiện khung khổ pháp lý thực hiện tái cấu trúc thị trường chứng khoán, nâng cao chất lượng hoạt động nhằm đáp ứng các định chế trung gian, phát triển hệ thống đầu tư chuyên nghiệp và nâng cao hiệu quả trong vấn đề quản lý qua đó bên phía ủy ban chứng khoán nhà nước và sở giao dịch chứng khoán được giám sát chặt chẽ hơn. Trung tâm lưu ký chứng khoán phát triển thị trường chứng khoán bền vững minh bạch trở thành kênh dẫn vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế Việt Nam, là kênh đầu tư dài hạn an toàn công bằng cho nhà đầu tư.

Kiểm soát chặt chẽ quá trình hình thành các công ty chứng khoán nhằm đảm bảo phòng tránh các rủi ro trong việc sáp nhập công ty con và công ty mẹ với nhau, an toàn trong công tác quản lý các công ty từ ủy ban chứng khoán nhà nước.

Ủy ban chứng khoán nhà nước Việt Nam xây dựng liên kết mở rộng trong việc đưa các doanh nghiệp phát triển tiềm năng trong tương lai lên sàn giao dịch chứng khoán và phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng với mục đích huy động vốn từ các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài mở rộng quy mô kinh doanh trong tương lai và quảng bá thương hiệu cá nhân của doanh nghiệp.

*Về cơ sở pháp lý đối với các công ty chứng khoán hiện nay:*

Thị trường chứng khoán phái sinh: Nghiên cứu mở rộng các sản phẩm phái sinh đa dạng đem đến cho nhà đầu tư nhiều sự lựa chọn đi đôi với việc nghiên cứu đẩy các sản phẩm phái sinh yêu cầu khi thị trường chứng khoán phát triển mạnh và bền vững vì thế Ủy ban chứng khoán nhà nước cần có những nghiên cứu và từng bước phát triển đưa sản phẩm phái sinh vào vận hành.

Dịch vụ ký quỹ mua chứng khoán (cổ phiếu): Sản phẩm này được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận cho một số công ty chứng khoán và đến nay sản phẩm được nhà đầu tư sử dụng rộng rãi và đa dạng dưới nhiều hình thức khác nhau. Việc sử dụng dịch vụ ký quỹ này rất dễ dàng chỉ cần có một ít tiền mặt nhất định sau đó vay ký quỹ tiền của công ty chứng khoán để mua bán giao dịch chứng khoán.

Bán khống chứng khoán: Đây có thể xem là trường hợp nghiêm cấm hiện tại đối với pháp luật Việt Nam trong quá trình đầu tư. Ủy ban chứng khoán (SSC) cải thiện mở rộng các công cụ tài chính, nghiên cứu việc bán khống có kiểm soát cho một mức tỷ lệ nhất định nhằm không ảnh hưởng biến động lớn trên thị trường,..

Một số chính sách bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư: Ghi nhận cải thiện các vấn đề khiếu nại của các công ty chứng khoán trong quá trình phát sinh rủi ro, xây dựng cơ chế giải quyết tranh chấp khiếu nại một cách minh bạch và hiệu quả giữa đôi bên cùng có lợi.

Phát triển các sản phẩm trái phiếu: Ủy ban chứng khoán đa dạng hóa các sản phẩm cho phép các doanh nghiệp tổ chức tham gia vào phát hành trái phiếu với nhiều loại hình khác nhau.

Triển khai đưa hệ thống KRX vào vận hành trong thị trường chứng khoán: Hệ thống công nghệ thông tin quản lý và điều hành giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Việc đưa hệ thống KRX này sớm vào thị trường mang lại những tích cực mới mẻ cho nhà đầu tư hay các công ty chứng khoán trong việc mua bán T+, bán khống, quyền chọn dự kiến và có nhiều tính năng mới. Qua đó mới nâng hạng thị trường chứng khoán lên, KRX mới được đẩy mạnh.

Dự thảo thông tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước được kỳ vọng tác động tích cực đến quá trình nâng hạng như sau:

Nói lòng yêu cầu về vấn đề Pre-Funding và bắt buộc công bố thông tin bằng tiếng anh đối với các công ty niêm yết.

### **3.4.2 Đối với Chính phủ**

Thúc đẩy nhanh các doanh nghiệp cùng các công ty chứng khoán hợp tác với nhau lần đầu tiên được phát hành ra công chúng hay phát hành các mã chứng quyền nhằm thu hút vốn từ nhà đầu tư cá nhân hay tổ chức trong nước hay nước ngoài. Cố gắng đưa doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán góp phần đa dạng trên thị trường chứng khoán.

Thực hiện nghiêm khắc minh bạch nâng cao việc giám sát quản lý để xử lý các hành vi bán tháo, thao túng giá, lừa đảo trên thị trường. Tạo điều kiện cho nước ngoài về các thủ tục pháp lý hồ sơ để các tổ chức nước ngoài tham gia vào thị trường Việt Nam theo đúng luật pháp Việt Nam.

Chú trọng trong việc đầu tư vào máy móc công nghệ tiên tiến hiện đại đảm bảo hoạt động thông suốt, giảm thiểu rủi ro trên không gian mạng.

### **3.5 Định hướng phát triển công ty**

- KIS Việt Nam đặt mục tiêu phát triển trở thành một công ty chứng khoán chuyên nghiệp hàng đầu của Việt Nam trên cơ sở kết hợp kinh nghiệm quốc tế và nguồn lực địa phương, phù hợp với nhu cầu và khung pháp lý quy định.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.
- Với tầm nhìn chiến lược dài hạn, cũng như mục tiêu phát triển bền vững, Ban lãnh đạo KIS Việt Nam tập trung vào việc đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên nâng cao phát triển hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, phát triển mạnh các dịch vụ tiện ích hỗ trợ cho nhà đầu tư:
- Đảm bảo hoạt động ổn định và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.
- Xây dựng cấu trúc tổ chức kinh doanh chứng khoán chuyên nghiệp, phục vụ hiệu quả các nhà đầu tư trong và nước ngoài
- Cải tiến và tạo những giá trị mới cho hoạt động kinh doanh thông qua việc phát

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3:**

Qua chương 3 thì cũng cho ra các giải pháp nhằm nâng cao hoạt động tài chính trong ngành chứng khoán và giúp phát triển ngành chứng khoán phát triển mở rộng hơn trong tương lai. Đưa ra một số kiến nghị lên phía uỷ ban chứng khoán nhà nước hay phía chính nhằm tháo gỡ xem xét giải đáp nhằm cải thiện tạo ra một ngành chứng khoán minh bạch.

## KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế càng lúc càng phát triển và hiện đại hóa hơn và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng mạnh mẽ đòi hỏi mỗi doanh nghiệp trong kinh doanh đều phải tiến hành phân tích báo cáo tài chính và đưa ra các giải pháp cụ thể. Góp phần tạo nên một ý nghĩa to lớn và công cụ quản lý và theo dõi đối với các nhà quản lý doanh nghiệp.

Qua thời gian nghiên cứu lý luận về báo cáo tài chính và phân tích BCTC cùng với việc tìm hiểu tìm hiểu giải pháp và kiến nghị nâng cao tình hình tài chính của công ty đã hoàn thành xong đề tài khóa luận: “Các giải pháp nâng cao hoạt động tài chính công ty chứng khoán KIS Việt Nam”, Với sự cố gắng nỗ lực bản thân em đã tìm tòi nghiên cứu về báo cáo công ty, cùng với sự giúp đỡ của giảng viên hướng dẫn Th.s Trần Thanh Thế đã làm rõ các nội dung sau:

- ❖ Cơ sở lý luận về phân tích tình hình tài chính trong công ty chứng khoán.
- ❖ Thực trạng tình hình tài chính của công ty cổ phần Chứng khoán KIS VIỆT NAM.
- ❖ Giải pháp và kiến nghị nâng cao tình hình tài chính công ty cổ phần Chứng khoán KIS VIỆT NAM.

Qua đó hy vọng đây là cơ sở giúp cho công ty nâng cao năng lực tài chính và thực hiện kinh doanh đạt kết quả tốt và ngày phát triển vững mạnh mang tầm vị thế cao trên ngành chứng khoán.

## DANH MỤC THAM KHẢO

1. Dương Hữu Hạnh. *Giáo Trình Quản trị doanh nghiệp hiện đại*, Nhà xuất bản thống kê. Nhà Xuất bản Thống Kê .
2. Lê Hoàng Vinh. (2021). *Phân tích tài chính doanh nghiệp*. Nhà Xuất bản Tài Chính.
3. Nguyễn Minh Kiều. (2018). *Tài chính doanh nghiệp*. Thành phố HCM: Nhà Xuất Bản thống kê.
4. Thông tin từ website:
  - *KIS ( 2021, 2022, 2023) – Báo cáo thường niên*
  - <https://www.ssc.gov.vn/>
  - Trang web Công ty Cổ Phần Chứng Khoán KIS: <https://www.kisvn.vn>